

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong hệ thống chỉ tiêu kế toán doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành là hai chỉ tiêu cơ bản, có mối quan hệ khăng khít với nhau và có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định kết quả sản xuất kinh doanh mà cụ thể là lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh đó. Muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường thì hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại lợi nhuận nhiều hay ít cũng phải bù đắp được chi phí bỏ ra. Để đạt được mục tiêu đó, doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh, chiếm thị phần lớn, làm tăng doanh thu. Một trong những biện pháp hữu hiệu giúp cho doanh nghiệp có thể đứng vững trên thị trường là hạ giá thành sản phẩm.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình, các doanh nghiệp cần hạch toán chi phí đầu vào một cách hợp lý, tìm ra các biện pháp tối nhất để giảm chi phí không cần thiết nhằm tránh lãng phí. Việc hạch toán chi phí sản xuất chính xác sẽ giúp doanh nghiệp nhận thức đúng tình hình thực tế từ đó để ra các phương thức quản lý chi phí sản xuất nhằm làm tốt công tác tính giá thành sản phẩm. Như vậy kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một khâu quan trọng và là trọng tâm của toàn bộ công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, qua thời gian tìm hiểu và thực tế công tác tổ chức hạch toán tại Công ty Cổ phần Sơn Việt Đức, được sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo **GS.TS Đặng Thị Loan**, Ban lãnh đạo công ty và đặc biệt là các cô chú, anh chị Phòng kế toán, em đã chọn đề tài "**Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Sơn Việt Đức**" cho khoá luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và phần kết thúc, khoá luận của em có 3 phần chính:

**Phần I:** Cơ sở lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

**Phần II:** Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sản xuất tại Công ty Cổ phần Sơn Việt Đức.

**Phần III:** Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và

tính giá thành sản phẩm sản xuất tại Công ty Cổ phần Sơn Việt Đức.

Mặc dù em đã nhận được nhiều sự giúp đỡ từ giáo viên hướng dẫn cùng với các cô chú, anh chị trong Ban lãnh đạo và trong Phòng kế toán; đồng thời bản thân em đã có sự cố gắng nhưng do trình độ còn hạn chế nên khoá luận của em không tránh khỏi được những thiếu sót trong nội dung cũng như hình thức. Do đó, em mong nhận được sự đóng góp ý kiến để bản khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

## PHẦN I : CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

### 1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất

#### 1.1.1 Bản chất và nội dung của chi phí sản xuất

##### 1.1.1.1 Khái niệm chi phí sản xuất

Quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình biến đổi một cách có ý thức và có mục đích các yếu tố sản xuất đầu vào để hình thành các sản phẩm lao vụ, dịch vụ nhất định. Bất kỳ doanh nghiệp nào khi tiến hành sản xuất kinh doanh nhất định phải kết hợp hài hòa 3 yếu tố: Tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Sự tham gia của 3 yếu tố trên vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh có sự khác nhau, từ đó hình thành nên các chi phí sản xuất tương ứng. Nghĩa là chi phí sản xuất không những bao gồm yếu tố lao động sống liên quan đến việc sử dụng lao động sống (tiền lương, tiền công), lao động vật hóa (khấu hao tài sản cố định, chi phí về nguyên vật liệu, nhiên liệu..) mà còn bao gồm một số khoản mà thực chất là một phần giá trị mới sáng tạo ra (các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, KPCD, lãi vay ngân hàng..)

Các chi phí của doanh nghiệp luôn được tính toán, đo lường bằng tiền trong một khoảng thời gian xác định.

Như vậy chi phí sản xuất trong doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong một thời kỳ nhất định.

##### 1.1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất

Để thuận tiện trong công tác quản lý và hạch toán người ta tiến hành phân loại chi phí với các chỉ tiêu phân loại như sau:

###### a. *Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố (nội dung kinh tế)*

Theo cách phân loại này, căn cứ vào tính chất kinh tế, nội dung kinh tế của chi phí sản xuất khác nhau để chia ra thành các yếu tố chi phí. Mỗi yếu tố chi phí chỉ bao

gồm những chi phí có cùng nội dung kinh tế, cụ thể như sau:

**Chi phí nguyên vật liệu:** Bao gồm nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản mà doanh nghiệp sử dụng cho các họa động sản xuất kinh doanh trong kỳ

**Chi phí nhân công:** Bao gồm toàn bộ số tiền công phải trả, các khoản trích theo lương như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn đối với lao động trực tiếp sản xuất.

**Chi phí khấu hao tài sản cố định:** Bao gồm toàn bộ số tiền trích khấu hao tài sản sử dụng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

**Chi phí dịch vụ mua ngoài:** Bao gồm số tiền phải trả cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (tiền điện, nước, điện thoại..)

**Chi phí khác bùa tiền:** Bao gồm toàn bộ chi phí khác ngoài các yếu tố trên.

*b. Phân loại chi phí theo các khoản mục chi phí trong giá thành*

Theo cách phân loại này chi phí được phân thành:

**Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** Bao gồm chi phí về các loại nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng cho mục đích trực tiếp sản xuất, chế tạo sản phẩm.

**Chi phí nhân công trực tiếp:** Bao gồm toàn bộ tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp mang tính chất tiền lương trả cho công nhân trực tiếp sản xuất, chế tạo sản phẩm hay thực hiện các lao vụ dịch vụ cùng với các khoản trích theo tỷ lệ quy định cho các quỹ BHXH, BHYT, KPCD (phần tính vào chi phí).

**Chi phí sản xuất chung:** Bao gồm các chi phí còn lại phát sinh trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất sau khi đã loại trừ chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp nói trên.

*c. Phân loại chi phí theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành*

Theo cách phân loại này chi phí bao gồm:

**Chi phí khả biến (Biến phí):** Là các chi phí thay đổi về tổng số, tỷ lệ thuận với sự thay đổi của khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ. Tuy nhiên, các chi phí biến

đổi nếu tính trên một đơn vị sản phẩm thì lại có tính cố định.

**Chi phí bất biến (Định phí):** Là các chi phí không biến đổi theo khối lượng công việc sản phẩm hoàn thành. Các chi phí này nếu tính cho một đơn vị sản phẩm thì lại có sự biến đổi nếu số lượng sản phẩm thay đổi.

Trong thực tế chúng ta còn gặp loại chi phí mà bao gồm cả các yếu tố của định phí và biến phí. Đó chính là chi phí hỗn hợp.

Vìệc phân loại chi phí này có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản trị kinh doanh, phân tích điểm hòa vốn, phục vụ cho việc quản lý cần thiết để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

**d. Phân loại chi phí theo phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và mối quan hệ với đổi tương chi phí**

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia thành chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

**Chi phí trực tiếp:** Là những chi phí phát sinh có quan hệ trực tiếp đến việc sản xuất một sản phẩm nhất định. Những chi phí khi phát sinh, kế toán căn cứ vào số liệu chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

**Chi phí gián tiếp:** Là những chi phí sản xuất có liên quan đến việc sản xuất nhiều loại sản phẩm. Những chi phí này, khi phát sinh, kế toán phải tiến hành tập hợp, phân bổ cho các đối tượng có liên quan theo tiêu thức phân bổ thích hợp.

**e. Phân loại chi phí theo nội dung cấu thành của chi phí**

Cách phân loại này cho ta thấy được vị trí của từng loại chi phí trong sản phẩm, từ đó để tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất thích hợp.

**Chi phí tổng hợp:** Là chi phí do nhiều yếu tố khác nhau tập hợp lại có cùng một công dụng như chi phí sản xuất chung.

**Chi phí đơn nhất:** Là chi phí do một yếu tố duy nhất cấu thành như nguyên vật liệu chính dung trong sản xuất.

**1.1.2. Bản chất và nội dung của giá thành sản phẩm**

**1.1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm**

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao

vụ đã hoàn thành.

Tất cả các khoản chi phí (phát sinh trong kỳ, kỳ trước chuyển sang) và các chi phí trích trước có liên quan đến khối lượng sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành sẽ tạo nên chỉ tiêu giá thành sản phẩm. Như vậy ta có công thức xác định giá thành là:

$$\begin{array}{cccc} \text{Tổng giá thành} & \text{Chi phí sản} & \text{Chi phí sản} & \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{sản phẩm hoàn} & = & \text{xuất đầu k} & \text{đầu k} \\ \text{thành} & & \text{dang} & \text{trong k} \\ & & \text{+} & \text{-} \\ & & \text{xuất phát sinh} & \text{dang cuối k} \\ & & & \text{ky} \end{array}$$

Chỉ tiêu giá thành sản phẩm luôn chứa đựng hai mặt khác nhau vốn có bên trong, nó là chi phí sản xuất đã chi ra và lượng giá trị sử dụng thu được cấu thành trong khối lượng sản phẩm, công việc, lao vụ đã hoàn thành. Như vậy, bản chất của giá thành sản phẩm là sự chuyển dịch giá trị các yếu tố chi phí vào những sản phẩm, công việc, lao vụ đã hoàn thành. Và nó là trỏ thành thước đo chi phí, là căn cứ, là cơ sở, là xuất phát điểm để xây dựng giá cả và bù đắp chi phí.

### 1.1.2.2 Phân loại giá thành sản phẩm

Để đáp ứng các yêu cầu của quản lý, hạch toán và kế hoạch hóa giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả hàng hóa, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, nhiều phạm vi tính toán khác nhau.

#### a. Phân loại giá thành theo nguồn gốc liệu và cách tính

Theo cách phân loại này, giá thành bao gồm giá thành kế hoạch, giá thành thực tế và giá thành định mức.

**Giá thành kế hoạch:** Loại giá thành này được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch.

**Giá thành định mức:** Giống với giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, giá thành định mức được xác định trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch (thường là ngày đầu tháng). Do đó giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình sản xuất sản phẩm.

**Giá thành thực tế:** Giá thành thực tế được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm trên cơ sở các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

**b. Phân loại giá thành theo phạm vi phát sinh chi phí**

**Giá thành sản xuất (Giá thành công xưởng):** Là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất, bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, và chi phí sản xuất chung.

**Giá thành tiêu thụ (Giá thành toàn bộ):** Là chỉ tiêu giá thành được xác định trên cơ sở tập hợp các chi phí phát sinh trong phạm vi toàn doanh nghiệp.

$$\begin{array}{cccc} \text{Giá thành toàn bộ} & \text{Giá thành sản} & \text{Chi phí bán} & \text{Chi phí quản} \\ \text{của sản phẩm tiêu} & = & \text{phẩm sản} & + \\ \text{thụ} & & \text{xuất} & \\ & & & \end{array}$$
$$+ \quad \text{hàng} \quad + \quad \text{lý doanh}$$
$$+ \quad \text{nghiệp}$$

**1.1.3 Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm sản xuất trong doanh nghiệp**

**1.1.3.1 Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất**

Đây là công việc đầu tiên mà nhà quản lý phải tiến hành để tiến hành tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách chính xác. Vấn đề này có tầm quan trọng đặc biệt cả trong lý luận cũng như thực tiễn hạch toán và là nội dung cơ bản nhất của tổ chức hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm.

Đối tượng kế toán chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm soát chi phí và tính giá thành sản phẩm. Như vậy, thực chất của việc xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là việc xác định giới hạn tập hợp chi phí hay xác định nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí. Còn xác định đối tượng tính giá thành là việc xác định sản phẩm, bán thành phẩm, công việc, lao vụ hoàn thành đòi hỏi phải tính giá thành một đơn vị. Đối tượng đó có thể là sản phẩm cuối cùng của quy trình sản xuất hay đang trên dây chuyền sản xuất tùy theo yêu cầu của chế độ hạch toán kinh tế mà doanh nghiệp đang áp dụng và quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Để xác định đúng đắn đối tượng của kế toán chi phí sản xuất với đối tượng tính

giá thành sản phẩm, ta cần căn cứ vào các yếu tố sau đây:

- Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất
- Loại hình sản xuất
- Yêu cầu và trình độ quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh

### 1.1.3.2 Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

#### a. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Mỗi phương pháp kế toán chi phí ứng với một đối tượng kế toán chi phí nên tên gọi của từng phương pháp biểu hiện đối tượng mà nó cần tập hợp. Bao gồm các phương pháp sau:

- Phương pháp kế toán chi phí theo sản phẩm.
- Phương pháp kế toán chi phí theo đơn đặt hàng.
- Phương pháp kế toán chi phí theo giai đoạn công nghệ.
- Phương pháp kế toán chi phí theo phân xưởng.
- Phương pháp kế toán chi phí theo nhóm sản phẩm.

Và việc tập hợp chi phí sản xuất được tiến hành theo các bước cụ thể sau:

Bước 1: Mở sổ (thẻ) hạch toán chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Sổ được mở riêng cho từng tài khoản 621, 622, 627, 154, 631, 142, 242... Căn cứ vào các sổ chi tiết các tài khoản, các chứng từ gốc, các bảng phân bổ... để ghi vào sổ.

Bước 2: Tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ có liên quan cho từng đối tượng hạch toán.

Bước 3: Tổng hợp toàn bộ chi phí phát sinh. Lập thẻ tính giá thành sản phẩm theo từng loại.

Tùy theo từng đối tượng tập hợp chi phí mà trình tự hạch toán chi phí sản xuất là khác nhau.

#### b. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Tùy theo tình hình sản xuất thực tế của doanh nghiệp, quy trình sản xuất sản phẩm, tính chất của từng sản phẩm, các doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong các

phương pháp tính giá thành sau:

*Phương pháp trực tiếp (Phương pháp giản đơn):* Thường được áp dụng ở các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, sản xuất mang tính chất hàng loạt, chu kỳ sản xuất ngắn, khối lượng sản phẩm sản xuất lớn, chủng loại mặt hàng ít, không có hoặc có rất ít sản phẩm đa dạng. Theo phương pháp này, toàn bộ các chi phí phát sinh cho đối tượng nào thì kế toán tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó. Đến cuối kỳ, kế toán tính giá thành đơn vị sản phẩm theo công thức:

<b>Giá thành</b>	<b>Chi phí sản xuất</b>	<b>+ Chi phí sản xuất</b>	<b>- Chi phí sản</b>
<b>đơn vị sản</b>	<b>kinh doanh DDĐK</b>	<b>phát sinh trong kỳ</b>	<b>xuất DDCK</b>
<b>phẩm</b>	<b>=</b>		

*Phương pháp tổng cộng:* Thường được áp dụng đối với các doanh nghiệp mà việc sản xuất ra sản phẩm bao gồm nhiều chi tiết hoặc bộ phận chi tiết tạo thành. Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm hoàn thành được xác định bằng cách tổng cộng giá thành (chi phí) của toàn bộ các chi tiết hoặc bộ phận chi tiết hợp thành.

$$G_i \text{ thunh SP} = Z_1 + Z_2 + \dots + Z_n$$

Trong đó:  $Z_1, Z_2, Z_3 \dots Z_n$  là giá thành các chi tiết hoặc các bộ phận chi tiết.

*Phương pháp kê số:* Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao động nhưng lại thu được đồng thời nhiều loại sản phẩm khác nhau và chi phí không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất.

Phương pháp này quy đổi các sản phẩm khác nhau về một loại sản phẩm gốc, từ đó tính giá thành đơn vị sản phẩm gốc. Sau đó dựa vào giá thành đơn vị sản phẩm gốc để tính giá thành đơn vị từng loại sản phẩm.

$$\frac{\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc}}{\text{Tổng khối lượng sản phẩm gốc}} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế các loại sản phẩm}}{\text{Tổng khối lượng sản phẩm}}$$

$$\frac{\text{Giá thành đơn vị từng loại sản phẩm}}{\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc}} = \frac{\text{Hệ số quy đổi}}{\text{sản phẩm}}$$

Trong đó:

$$\text{Tổng khối lượng sản phẩm} = \sum (\text{KLSP hoàn thành thứ } i * \text{Hệ số quy đổi SP})$$

*Phương pháp tỉ lệ:* Thường được áp dụng trong các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất, cùng sử dụng một lượng NVL đầu vào, cùng một lượng lao động nhưng kết quả sản xuất lại tạo ra các sản phẩm có phẩm cấp khác nhau mà chi phí sản xuất không tách riêng ra được.

Theo phương pháp này, giá thành thực tế của đơn vị sản phẩm từng loại được xác định căn cứ vào giá thành kế hoạch (giá thành định mức) của đơn vị sản phẩm từng loại và tỉ lệ giá thành.

$$\frac{\text{Giá thành thực tế từng loại đơn vị sản phẩm}}{\text{Giá thành kế hoạch (định mức) đơn vị từng loại}} = \frac{\text{Tỉ lệ giá thành}}{}$$

$$\frac{\text{Tỷ lệ giá thành}}{\sum \text{Giá thành thực tế các loại SP}} = \frac{\sum \text{Giá thành kế hoạch (định mức) các SP}}{* 100}$$

*Phương pháp loại trừ giá trị của sản phẩm phụ:* Thường được áp dụng ở các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất, bên cạnh các sản phẩm chính thu được, còn có các sản phẩm phụ bán ra bên ngoài. Do đó, giá thành sản phẩm chính sẽ được giảm xuống bởi giá trị của sản phẩm phụ thu được.

$$\text{Giá thành} \quad \text{Giá trị sản} \quad \text{Tổng CP} \quad \text{Giá thành} \quad \text{Giá trị sản}$$

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{sản phẩm} & = & \text{phẩm} & + & \text{phát sinh} & - & \text{sản phẩm} & - & \text{phẩm DDCK} \\ \text{chính} & & \text{DDDK} & & \text{trong kỳ} & & \text{phụ} & & \end{array}$$

*Phương pháp liên hợp:* Thường được áp dụng ở các doanh nghiệp mà do đặc điểm của sản xuất kinh doanh, do tính chất của sản phẩm mà phải áp dụng hai hay nhiều phương pháp trên để tính giá thành.

## 1.2 Nội dung kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất

### 1.2.1 Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên

#### 1.2.1.1 Kế toán chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp

##### a. Tài khoản kế toán sử dụng

- *Tài khoản sử dụng:*

Để theo dõi khoản chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 621 “Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp”. Tài khoản được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Kết cấu của tài khoản này như sau:

*Bên Nợ:* Tập hợp chi phí nguyên, vật liệu xuất dùng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm hay thực hiện các lao vụ, dịch vụ.

*Bên Có:*

- Giá trị vật liệu xuất dùng không hết.
- Kết chuyển chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp về tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

- *Chứng từ kế toán:*

+ Hóa đơn bán hàng (theo mẫu 01a-BH, mẫu 01b-BH...do Bộ Tài Chính ban hành hoặc do các công ty in theo quy định của Bộ Tài Chính).

+ Hóa đơn GTGT (theo mẫu 01GTGT, 02GTGT của Bộ Tài Chính phát hành).

+ Phiếu xuất kho vật tư, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho...

##### b. Phương pháp kế toán

Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp bao gồm giá trị nguyên, vật liệu chính, vật liệu

phụ, nhiên liệu... được xuất dùng trực tiếp cho việc chế tạo sản phẩm.

Đối với những vật liệu khi xuất dùng có liên quan trực tiếp đến đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt (phân xưởng, bộ phận sản xuất hoặc sản phẩm, loại sản phẩm, lao vụ..) thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó.

Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức hạch toán riêng được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan.

**Chi phí vật liệu phân bổ**

cho từng đối tượng (hoặc

sản phẩm)

**Tổng tiêu thức phân bổ**

của từng đối tượng (hoặc \*

**Tỷ lệ phân bổ**

sản phẩm)

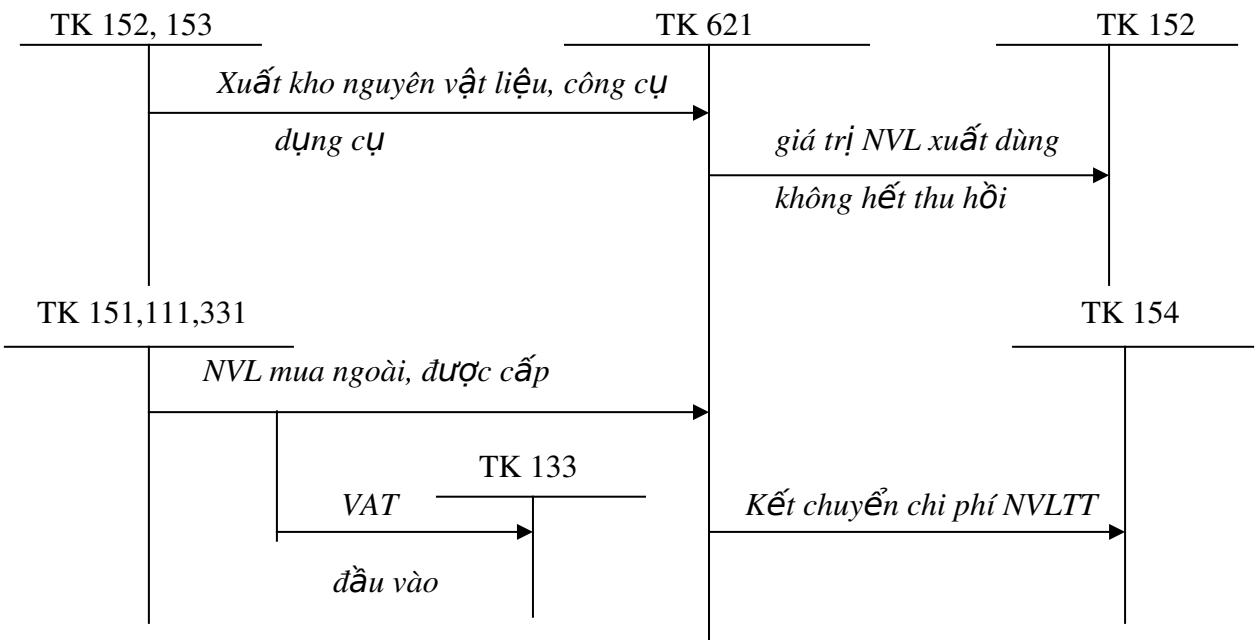
Trong đó:

**Tỷ lệ  
phân bổ** =

**Tổng chi phí vật liệu cần phân bổ**

**Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng**

Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được thể hiện qua sơ đồ kế toán sau:



**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán chi phí NVLTT**

### 1.2.1.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

#### a. Tài khoản kế toán sử dụng

- Tài khoản sử dụng:

Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí như tài khoản 621. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có: Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp về tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

Tài khoản 622 không có số dư cuối kỳ.

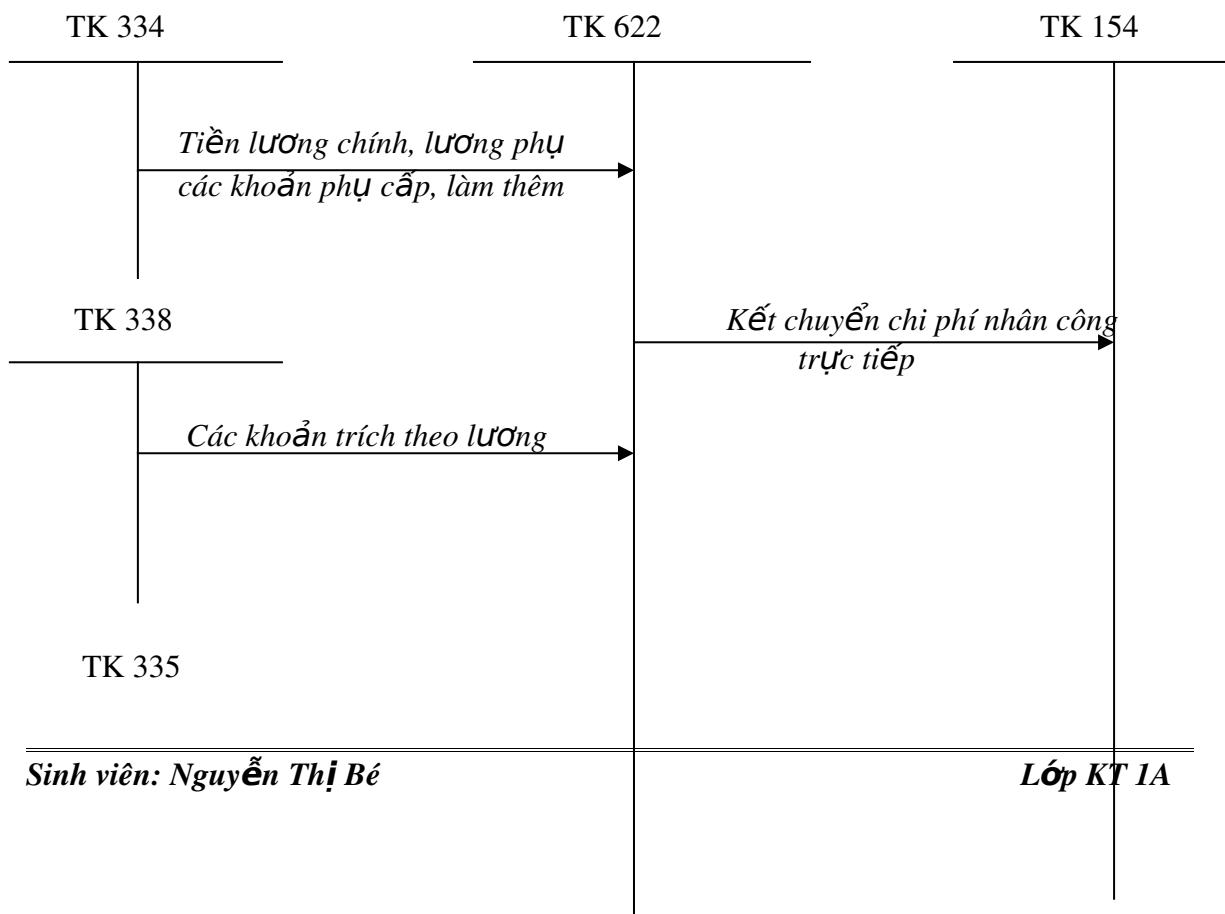
- Chứng từ kế toán:

- o Bảng chấm công (mẫu 01a-LĐTL của Bộ Tài Chính).
- o Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (mẫu 11 LĐTL của BTC).

#### b. Phương pháp kế toán

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương chính, lương phụ; các khoản phụ cấp, làm thêm giờ, làm đêm; các khoản trích theo lương: BHXH, BHYT, KPCĐ cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

Kế toán chi phí nhân công trực tiếp được khái quát theo sơ đồ sau:



Trích trước chi phí tiền lương phải  
trả cho công nhân TT sản xuất

### Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán chi phí nhân công trực tiếp

#### 1.2.1.3 Kế toán chi phí sản xuất chung

##### a. Tài khoản kế toán sử dụng

###### - Tài khoản kế toán sử dụng

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần thiết còn lại để sản xuất sản phẩm ngoài chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Đây là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp. Kế toán sử dụng tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung” để theo dõi các chi phí phát sinh tại các phân xưởng trong kỳ. Tài khoản được chi tiết theo từng phân xưởng, bộ phận sản xuất. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sản xuất thực tế phát sinh.

Bên Có: - Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung.

- Kết chuyển chi phí sản xuất chung về tài khoản 154

Để thuận tiện trong việc tập hợp chi phí, tài khoản này được chia thành các tài khoản cấp 2 sau:

- TK 6271: Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng.
- TK 6272: Chi phí vật liệu sử dụng tại phân xưởng.
- TK 6273: Chi phí công cụ, dụng cụ sử dụng tại phân xưởng.
- TK 6274: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6278: Chi phí khác bằng tiền.

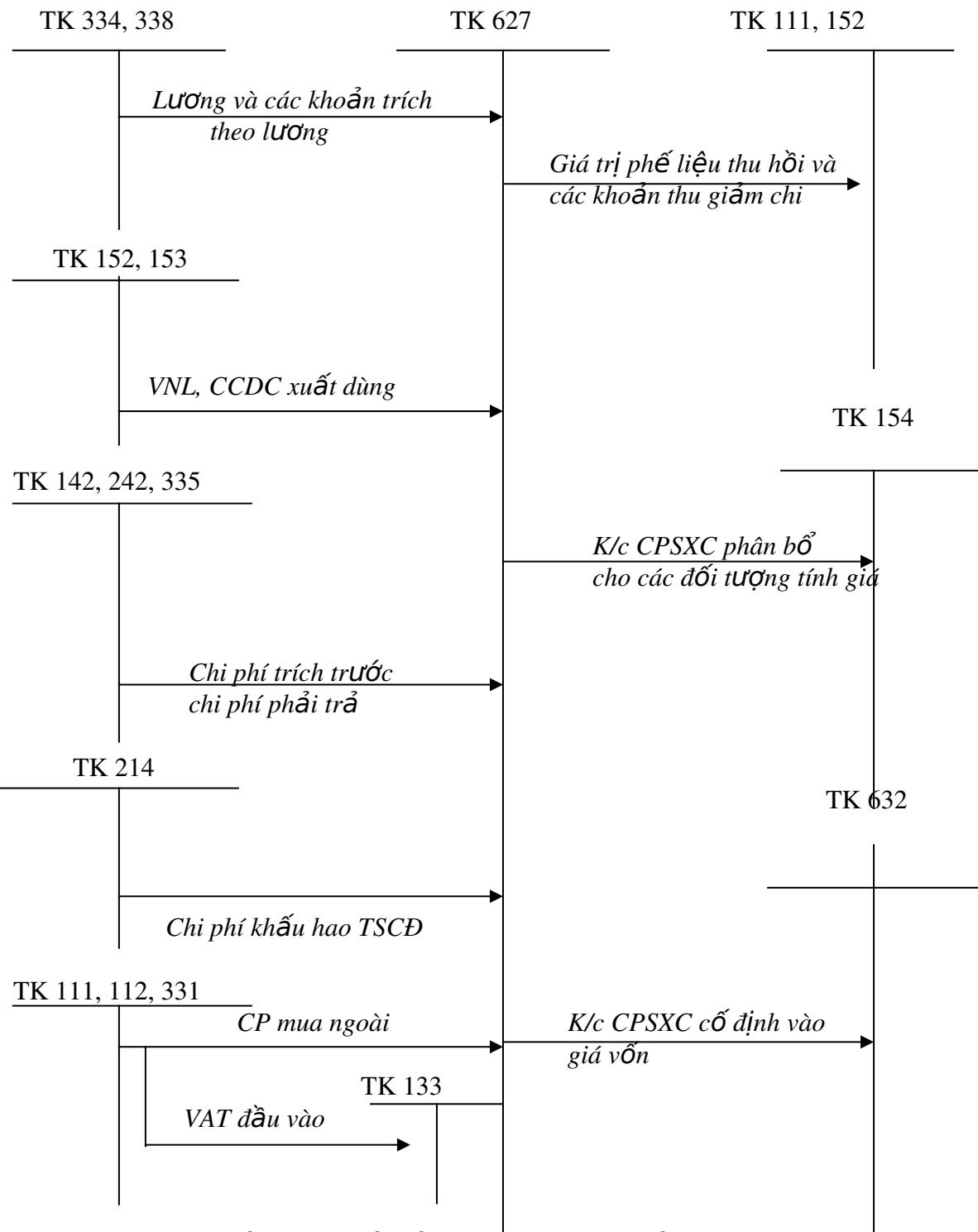
Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

###### - Chứng từ kế toán:

- Bảng tính lương và bảng thanh toán tiền lương.
- Bảng phân bổ giá trị công cụ, dụng cụ.
- Bảng trích khấu hao tài sản cố định.
- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi.

**b. Phương pháp kế toán:**

Kế toán chi phí sản xuất chung được khái quát qua sơ đồ sau:



**1.2.1.4 Tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang**

*a. Tổng hợp chi phí sản xuất*

Để tiến hành công tác tính giá thành sản phẩm, kế toán phải tập hợp các chi phí phát sinh trên về TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Và tiến hành mổ chi tiết cho từng ngành sản xuất, từng nơi phát sinh chi phí, từng loại sản phẩm,... của các bộ phận sản xuất. Nội dung của tài khoản này như sau:

*Bên Nợ:* Tổng hợp các chi phí sản xuất trong kỳ.

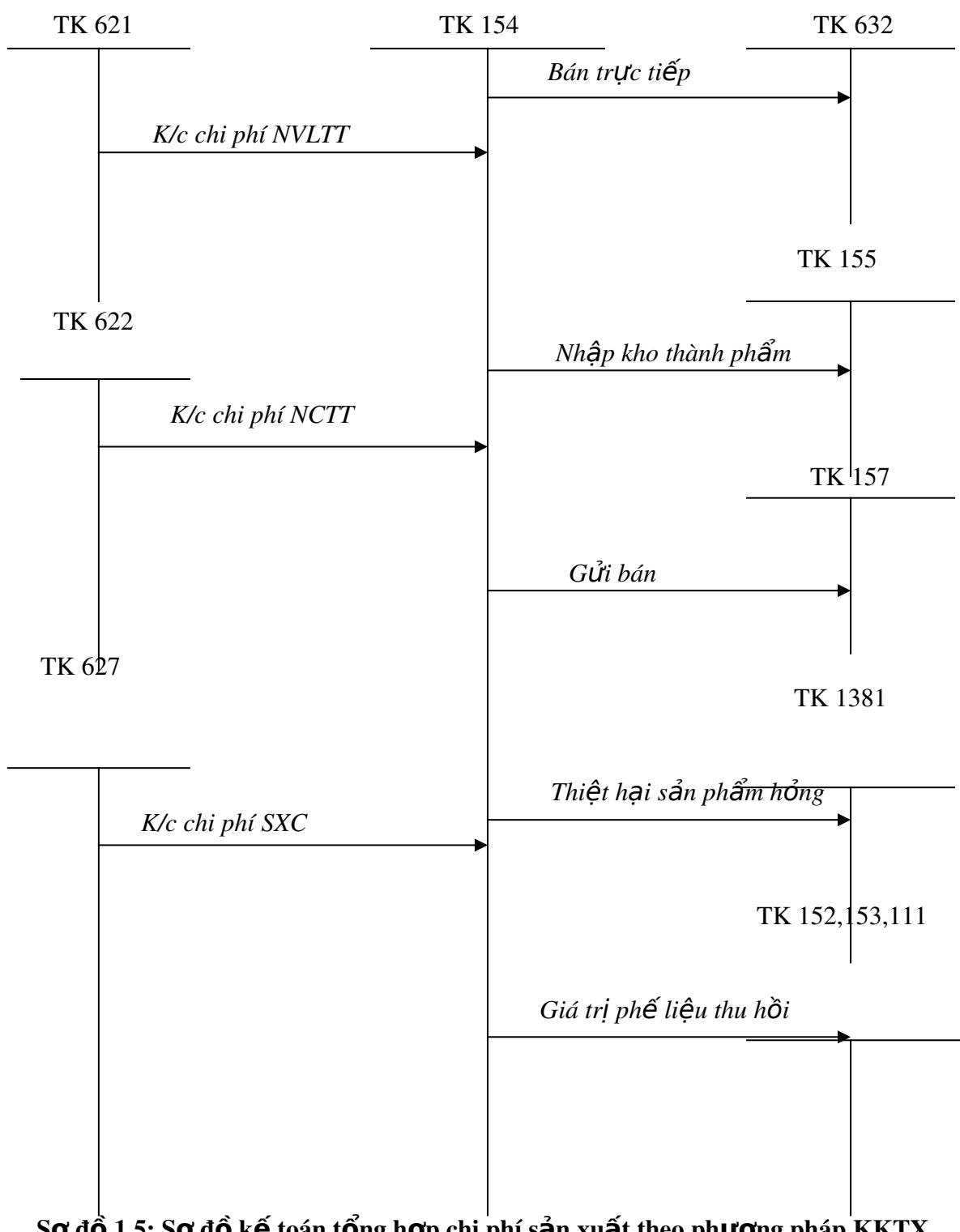
*Bên Có:*

- Các khoản ghi giảm chi phí sản phẩm.

- Tổng giá thành sản xuất thực tế hay chi phí thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành.

*Dư Nợ:* Chi phí thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ dở dang, chưa hoàn thành.

Tổng hợp chi phí sản xuất được thể hiện khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp KKTX

b. Kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm chưa kết thúc giai đoạn chế biến, còn đang nằm trong quá trình sản xuất. Để tính được giá thành sản phẩm thì doanh nghiệp nhất định phải đánh giá được giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ. Và doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

+ Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính:

Theo phương pháp này thì giá trị sản phẩm dở dang chỉ bao gồm giá trị vật liệu chính:

$$\frac{\text{Giá trị vật liệu chính nầm trong}}{\text{SPDD}} = \frac{\text{Toàn bộ giá trị vật liệu chính xuất dùng}}{\text{Số lượng TP} + \text{Số lượng SPDD}} \times \text{SPDDCK}$$

+ Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương:

Căn cứ vào mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành. Tiêu chuẩn quy đổi thường dựa vào giờ công hoặc tiền lương định mức.

$$\frac{\text{Giá trị vật liệu chính nầm trong}}{\text{SPDD}} = \frac{\text{Toàn bộ giá trị vật liệu chính xuất dùng}}{\text{Số lượng TP} + \text{Số lượng SPDD}} \times \begin{array}{l} \text{SPDD CK} \\ (\text{không quy đổi}) \end{array}$$

$$\frac{\text{Chi phí chế biến nầm trong SPDD}}{\text{Số lượng TP} + \text{Số lượng SPDD quy đổi ra thành phẩm}} = \frac{\text{Tổng chi phí chế biến từng loại}}{\text{Số lượng TP}} \times \begin{array}{l} \text{SPDDCK} \\ \text{quy đổi ra} \\ \text{TP} \end{array}$$

Trong đó chi phí chế biến là toàn bộ các chi phí sản xuất trừ chi phí nguyên vật liệu chính.

+ Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá trị SPDD chưa} & \text{Giá trị NVL chính năm} & 50\% \text{ chi phí ché} \\ \text{hoàn thành} & = & \text{trong SPDD} \\ & & + \text{biết} \end{array}$$

+ Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp hoặc chi phí trực tiếp:

Theo phương pháp này, giá trị sản phẩm dở dang chỉ bao gồm chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp hoặc chi phí trực tiếp mà không tính đến các chi phí khác.

+ Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí định mức hoặc kế hoạch:

Giá trị sản phẩm dở dang được xác định dựa vào định mức tiêu hao cho các khâu, các bước, các công việc trong quá trình chế tạo sản phẩm.

### **1.2.2 Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

Đối với doanh nghiệp áp dụng theo phương pháp này, hàng tồn kho không được ghi sổ liên tục. Do đó, cuối kỳ doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê tất cả các loại nguyên, vật liệu, thành phẩm trong kho và tại các phân xưởng cùng với bộ phận sản xuất dở dang để xác định chi phí của sản phẩm hoàn thành. Xuất phát từ đặc điểm đó, công tác hạch toán chi phí sản phẩm trong các doanh nghiệp này có những khác biệt nhất định.

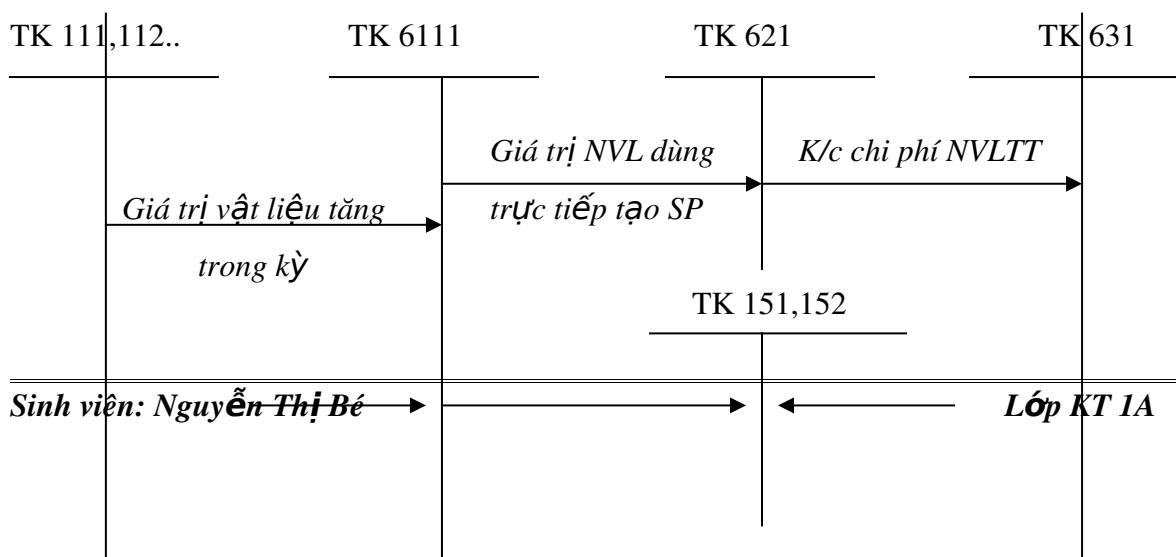
#### **1.2.2.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Với đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán cần theo dõi chi tiết các chi phí phát sinh đến từng đối tượng. Tài khoản kế toán sử dụng là TK 621 nhưng nội dung của tài khoản khác với khi doanh nghiệp hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Bên Nợ: Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp phát sinh vào thời điểm cuối kỳ.

Bên Có: Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp về tính giá thành. (TK 631)

Tình hình tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ được khái quát qua sơ đồ sau:



K/c giá trị vật liệu  
tồn cuối kỳ

K/c giá trị vật liệu tồn đầu kỳ

### Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

#### 1.2.2.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

Việc kế toán chi phí nhân công trực tiếp theo phương pháp kiểm kê định kỳ tương tự như phương pháp kê khai thường xuyên. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp trong kỳ về tài khoản tính giá thành 631.

Nợ TK 631:

Có TK 622:

#### 1.2.2.3 Kế toán chi phí sản xuất chung:

Tương tự đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán kết chuyển chi phí sản xuất chung về tài khoản 631 để thực hiện tính giá thành.

Nợ TK 631:

Có TK 627:

#### 1.2.2.4 Tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang

##### a. Tài khoản sử dụng

Để thực hiện tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang, kế toán sử dụng TK 631. Nội dung của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: - Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ.

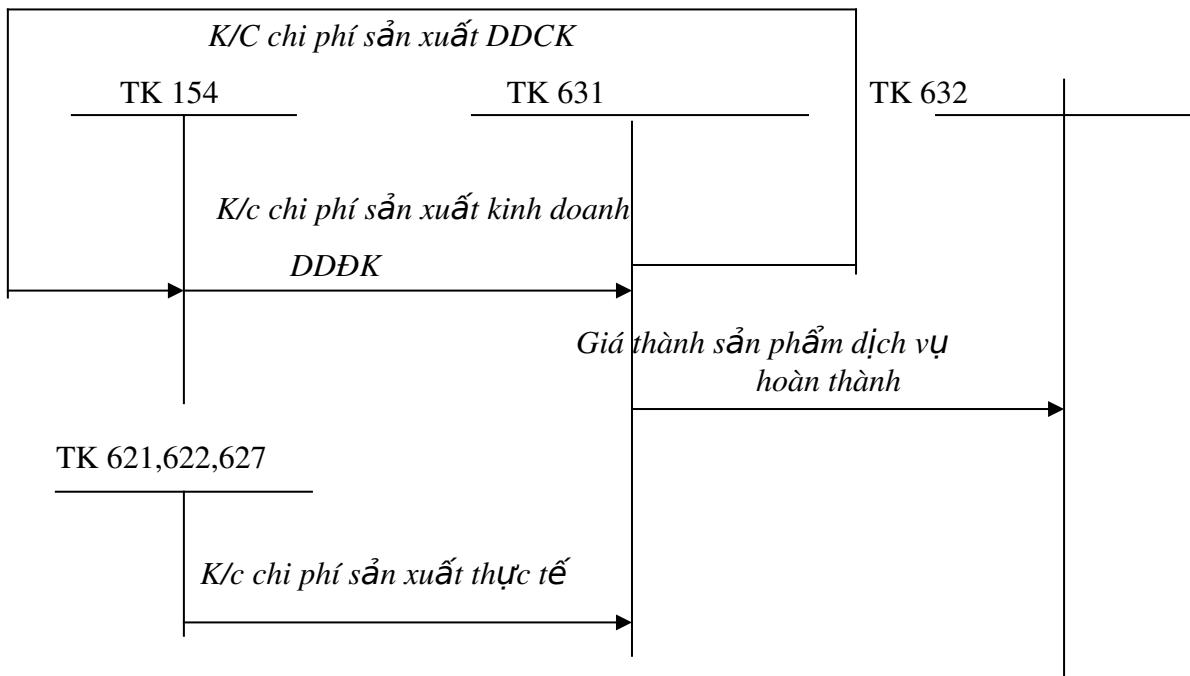
- Chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có: - Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển về TK 632 “giá vốn hàng bán”.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ kết chuyển về TK 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

##### b. Phương pháp kế toán

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo sơ đồ sau:



**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp KKĐK**  
**1.2.3 Tổ chức tính giá thành sản phẩm**

**1.2.3.1 Kỳ tính giá thành sản phẩm**

Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán giá thành cần thiết phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Để xác định kỳ tính giá thành cần dựa vào 4 cơ sở để xác định đối tượng tính giá thành. Ngoài ra còn căn cứ vào chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, kỳ tính giá thành có thể là tháng, quý hoặc năm. Tuy nhiên các doanh nghiệp thường sử dụng kỳ tính giá thành là tháng vì nó phản ánh được một cách thường xuyên hoạt động sản xuất kinh doanh và phát huy được nhiều ưu điểm hơn kỳ tính giá thành là quý và năm.

**1.2.3.2 Tổ chức tính giá thành sản phẩm trong một số loại hình doanh nghiệp chủ**

## **yếu**

Trên cơ sở các phương pháp chung để tính giá thành sản phẩm, kế toán cần lựa chọn và áp dụng vào từng loại hình doanh nghiệp cho phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ và đối tượng kế toán chi phí sản xuất.

### *a. Đối với doanh nghiệp có quy trình sản xuất giản đơn*

Doanh nghiệp sản xuất giản đơn thường là những doanh nghiệp chỉ sản xuất một hoặc một số ít mặt hàng với khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn, sản phẩm dở dang không có hoặc có không đáng kể như các doanh nghiệp khai thác than, quặng, khoáng sản...; các doanh nghiệp sản xuất động lực (điện, nước, hơi nước, khí nén, khí đốt...). Do số lượng mặt hàng ít nên đối tượng kế toán chi phí sản xuất tiến hành theo sản phẩm, mỗi mặt hàng sản xuất được mở một sổ kế toán chi phí sản xuất. Công việc tính giá thành thường được tiến hành vào cuối tháng theo phương pháp trực tiếp hoặc liên hợp.

### *b. Đối với doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng*

Là những doanh nghiệp sản xuất mang tính đơn chiếc theo đơn đặt hàng của khách. Để hoàn thành được đơn đặt hàng thì tùy theo sản phẩm của từng đơn đặt hàng mà khách hàng yêu cầu có thể tổ chức sản xuất ở một bộ phận hoặc phải nhiều bộ phận cùng tham gia sản xuất đơn đặt hàng. Mỗi bộ phận phải phụ trách hay đảm nhận một công việc khác nhau.

Nếu việc tổ chức sản xuất chỉ tiến hành ở một bộ phận theo kiểu giản đơn thì phương pháp tính giá thành được áp dụng là phương pháp trực tiếp. Ngược lại nếu việc tổ chức sản xuất được tiến hành ở nhiều bộ phận thì phải áp dụng phương pháp liên hợp. Cách thức kết hợp các phương pháp thì tùy thuộc vào từng đơn đặt hàng. Cách thức tập hợp chi phí được tiến hành như sau:

- *Các chi phí trực tiếp:* Chi phí phát sinh cho đối tượng nào thì kế toán tập hợp cho đơn đặt hàng đó. Trường hợp không tập hợp trực tiếp được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ chi phí theo các đối tượng thích hợp.
- *Chi phí sản xuất chung:* Sau khi tập hợp theo từng bộ phận hoặc từng phân xưởng, kế toán tiến hành phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiền lương công nhân sản xuất hoặc số giờ máy chạy.

- *Đổi tương tính giá thành sản phẩm:* Các doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng thường tính giá thành sản phẩm của những đơn đặt hàng đã hoàn thành. Còn những đơn đặt hàng chưa hoàn thành được coi là sản phẩm dở dang.
- c. *Đổi với doanh nghiệp có tổ chức bộ phận sản xuất kinh doanh phụ*

Trong các doanh nghiệp sản xuất, việc tổ chức các phân xưởng sản xuất phụ nhằm mục đích chủ yếu là phục vụ cho các phân xưởng sản xuất chính. Ngoài ra nó còn có thể cung cấp các sản phẩm ra bên ngoài để tăng doanh thu cho doanh nghiệp.

Việc tính giá thành sản phẩm của các phân xưởng sản xuất phụ cũng được tiến hành như các phân xưởng sản xuất chính, các chi phí phát sinh cũng được tập hợp theo 3 khoản mục: chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí SXC. Cuối kỳ cũng được tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm của các phân xưởng sản xuất phụ trên TK 154 nhưng được mở chi tiết cho từng phân xưởng sản xuất phụ.

Tính giá thành sản phẩm của các phân xưởng sản xuất phụ được đề cập trong hai trường hợp sau:

**Trường hợp 1:** Giữa các phân xưởng sản xuất phụ không có sự phục vụ lẫn nhau thì việc tính giá thành sản phẩm được áp dụng theo phương pháp trực tiếp.

**Trường hợp 2:** Giữa các phân xưởng sản xuất phụ có sự phục vụ đáng kể lẫn nhau thì việc tính giá thành sản phẩm có thể áp dụng một trong ba cách sau:

+ Dùng phương pháp đại số: Gọi giá thành đơn vị sản phẩm của các phân xưởng sản xuất phụ là các ẩn số rồi lập phương trình đại số và hệ phương trình đại số để tìm ra các ẩn.

+ Phương pháp phân bổ lẫn nhau theo giá thành đơn vị ban đầu: Tiến hành theo 3 bước sau:

*Bước 1:*

**Giá thành đơn vị ban đầu**                      **Tổng chi phí ban đầu**

**đầu**

=

**Sản lượng ban đầu**

*Bước 2:* Tính giá trị phân bổ lẫn nhau giữa các phân xưởng sản xuất phụ theo giá thành đơn vị ban đầu.

*Bước 3:* Tính giá thành đơn vị mới

**Giá thành              Tổng CP ban đầu + Giá trị được phục vụ - Giá trị đã phục vụ**

---

**đơn vị mới** = **Sản lượng ban đầu - Sản lượng đã phục vụ - Tiêu dùng nội bộ**

**Bước 4:** Tính giá trị của phân xưởng sản xuất phụ phục vụ cho sản xuất chính và các bộ phận trong doanh nghiệp.

+ Phương pháp giá thành kế hoạch: Theo cách này, giá thành được tính tương tự như phương pháp phân bổ lẫn nhau theo giá thành đơn vị ban đầu.

*d. Đối với doanh nghiệp áp dụng hệ thống kế toán theo định mức*

Trên cơ sở hệ thống định mức hao phí lao động, vật tư hiện hành và dự toán về chi phí sản xuất chung, kế toán sẽ xác định giá thành định mức của từng loại sản phẩm, đồng thời hạch toán riêng các thay đổi, các chênh lệch so với định mức phát sinh trong kỳ thành 3 loại: theo định mức, chênh lệch do thay đổi định mức và chênh lệch so với định mức. Từ đó tiến hành xác định giá thành thực tế của sản phẩm.

<b>Giá thành</b>	<b>Giá thành</b>	<b>Chênh lệch</b>	<b>Chênh lệch so</b>
<b>thực tế sản</b>	<b>định mức sản</b>	<b>+(-)</b>	<b>do thay đổi</b>
<b>phẩm</b>	<b>phẩm</b>	<b>+(-)</b>	<b>với định mức</b>

Việc tính toán giá thành định mức được tiến hành trên cơ sở định mức tiên tiến hiện hành ngày đầu kỳ (thường là đầu tháng). Tùy theo tính chất quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và đặc điểm sản phẩm mà áp dụng các phương pháp tính giá thành định mức khác nhau (theo sản phẩm hoàn thành, theo chi tiết, bộ phận sản phẩm tổng hợp lại...). Việc thay đổi định mức được tiến hành vào ngày đầu tháng để thuận lợi cho việc thực hiện định mức cũng như việc kiểm tra thi hành định mức. Trường hợp thay đổi định mức tiến hành vào ngày giữa tháng so với định mức là những khoản chi phí phát sinh ngoài phạm vi định mức và dự toán quy định được gọi là chênh lệch so với định mức hay thoát ly định mức.

*e. Đối với doanh nghiệp sản xuất phức tạp theo kiểu chế biến liên tục*

Doanh nghiệp sản xuất phức tạp theo kiểu chế biến liên tục là doanh nghiệp có quy trình công nghệ chế tạo sản phẩm bao gồm nhiều giai đoạn nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định, mỗi giai đoạn tạo ra một loại bán thành phẩm và bán thành phẩm của giai đoạn trước là đối tượng hay nguyên liệu chế biến của giai đoạn sau. Trong các doanh nghiệp này, phương pháp kế toán chi phí thích hợp nhất là kế toán theo giai đoạn

công nghệ. Theo phương pháp này, chi phí sản xuất phát sinh thuộc giai đoạn nào sẽ được tập hợp cho giai đoạn đó. Riêng với chi phí sản xuất chung, sau khi được tập hợp theo phân xưởng sẽ được phân bổ cho các giai đoạn theo tiêu thức phù hợp.

Tùy theo tính chất hàng hóa của bán thành phẩm và yêu cầu của công tác quản lý, chi phí sản xuất có thể được tập hợp theo phương án có bán thành phẩm và không có bán thành phẩm. Phương pháp tính giá thành thường là phương pháp trực tiếp kết hợp phương pháp tổng cộng chi phí hay phương pháp trực tiếp kết hợp phương pháp hạch số hay phương pháp tỉ lệ.

+ Tính giá thành phân bước theo phương án kế toán có bán thành phẩm:

Phương án này thường được áp dụng ở các doanh nghiệp có yêu cầu kế toán nội bộ cao hoặc bán thành phẩm bán ra ngoài. Đặc điểm của phương án kế toán này là khi tập hợp chi phí sản xuất của các giai đoạn công nghệ, giá trị bán thành phẩm của các giai đoạn trước chuyển sang giai đoạn sau được tính theo giá thành thực tế và được phản ánh theo các khoản mục chi phí. Việc tính giá thành phải được tiến hành lần lượt từng giai đoạn cho đến giai đoạn cuối cùng tính ra giá thành sản phẩm.

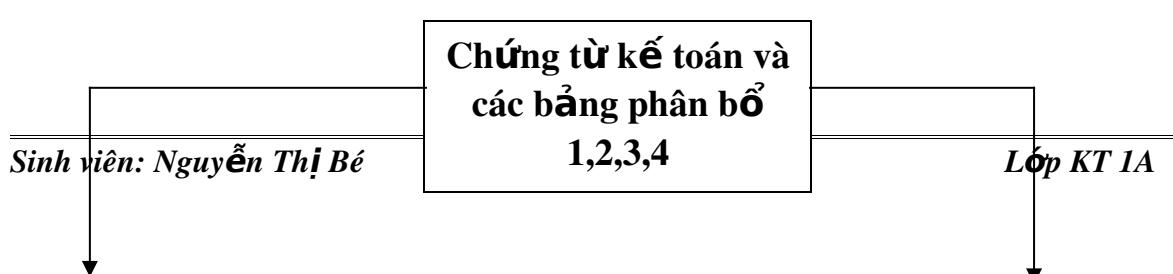
+ Tính giá thành phân bước theo phương án kế toán không có bán thành phẩm:

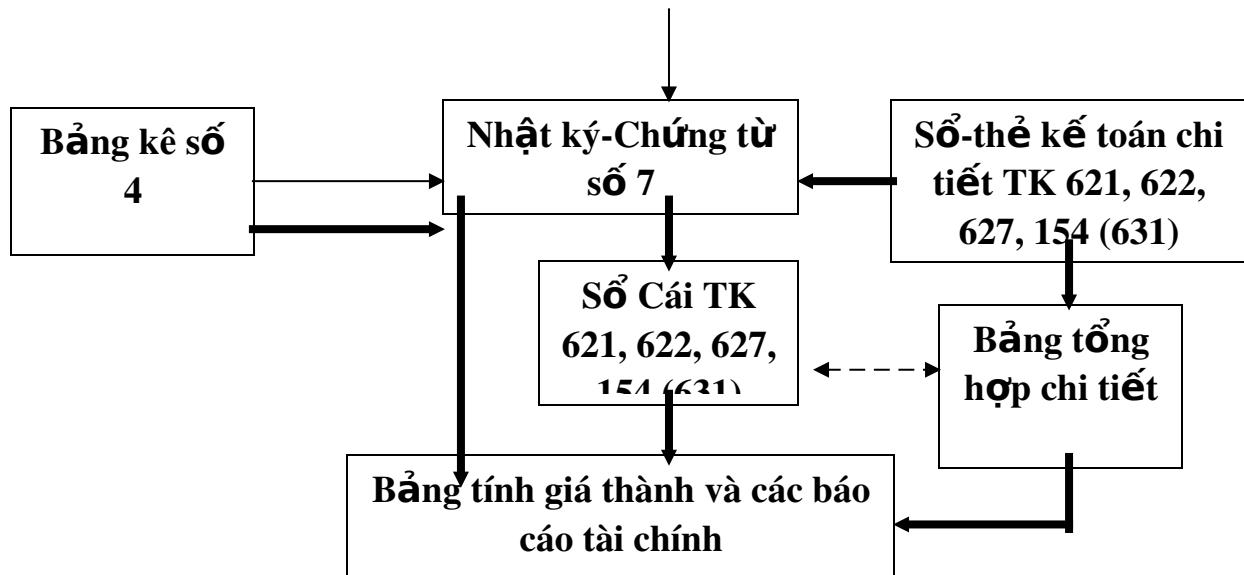
Được áp dụng trong các doanh nghiệp mà yêu cầu kế toán kinh tế nội bộ không cao hoặc bán thành phẩm chế biến ở từng giai đoạn không bán ra ngoài thì chi phí chế biến phát sinh trong các giai đoạn công nghệ được tính nhập vào giá thành sản phẩm một cách đồng thời nên gọi là kết chuyển song song. Theo phương án này, kế toán không cần tính giá thành bán thành phẩm trong từng giai đoạn mà chỉ tính giá thành thành phẩm bằng cách tổng hợp chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chế biến khác trong các giai đoạn công nghệ.

### 1.3 Hệ thống sổ sách sử dụng trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Tùy vào điều kiện cụ thể của mình mà các doanh nghiệp có thể lựa chọn các hình thức sổ kế toán phù hợp.

#### 1.3.1 Đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ





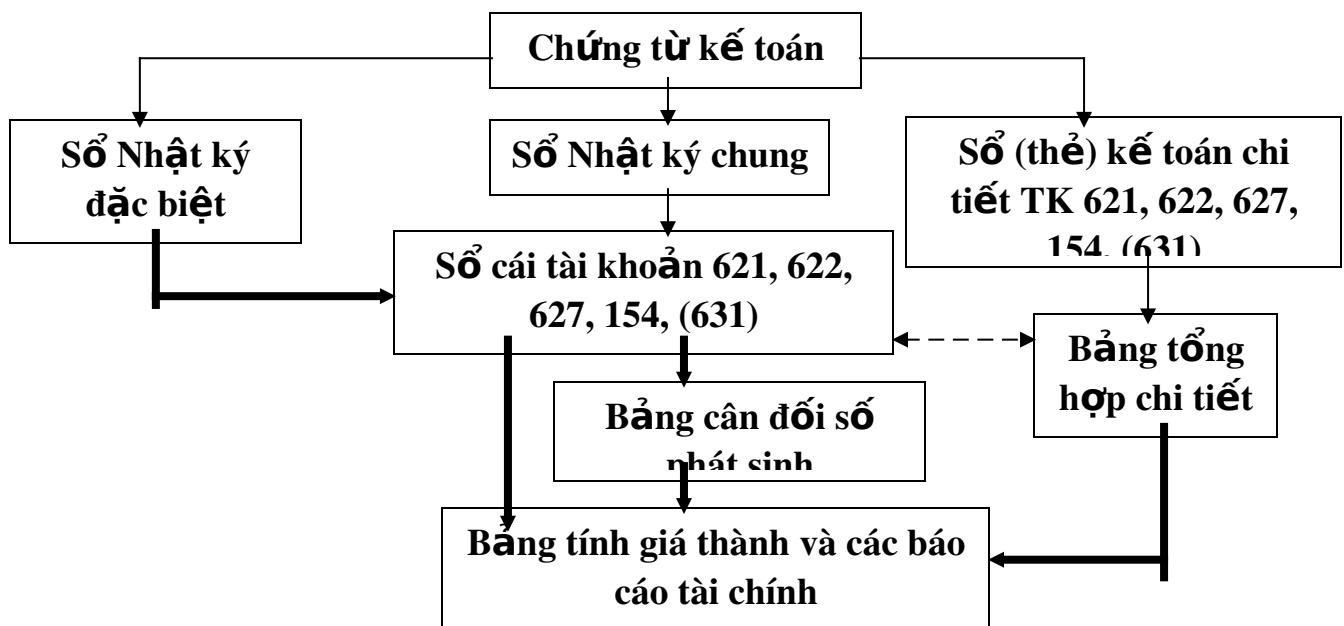
**Sơ đồ 1.8:** Trình tự kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức sổ Nhật ký chứng từ

Chú thích: Ghi hàng ngày: →

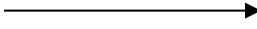
Ghi cuối tháng: →

Đối chiếu kiểm tra: →

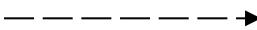
### 1.3.2 Đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung



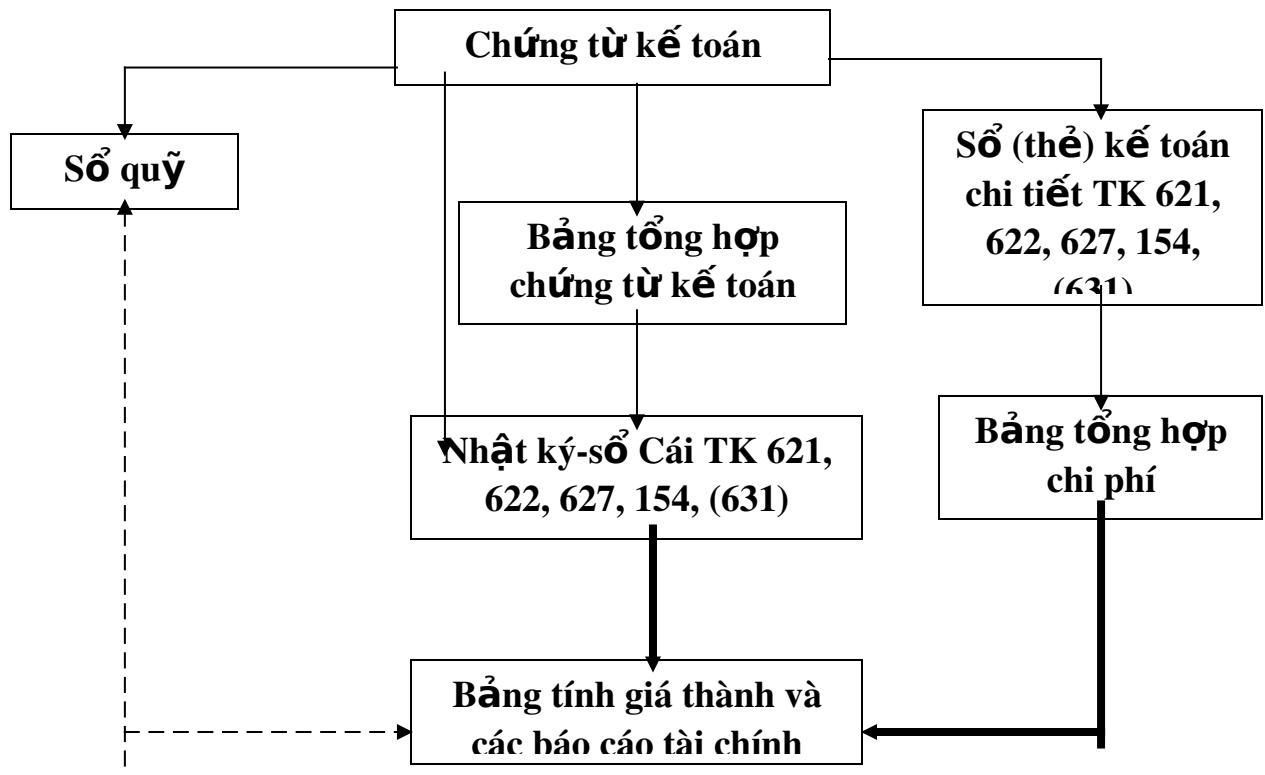
**Sơ đồ 1.9: Trình tự kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức sổ Nhật ký chung**

Chú thích: Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng: 

Đối chiếu kiểm tra: 

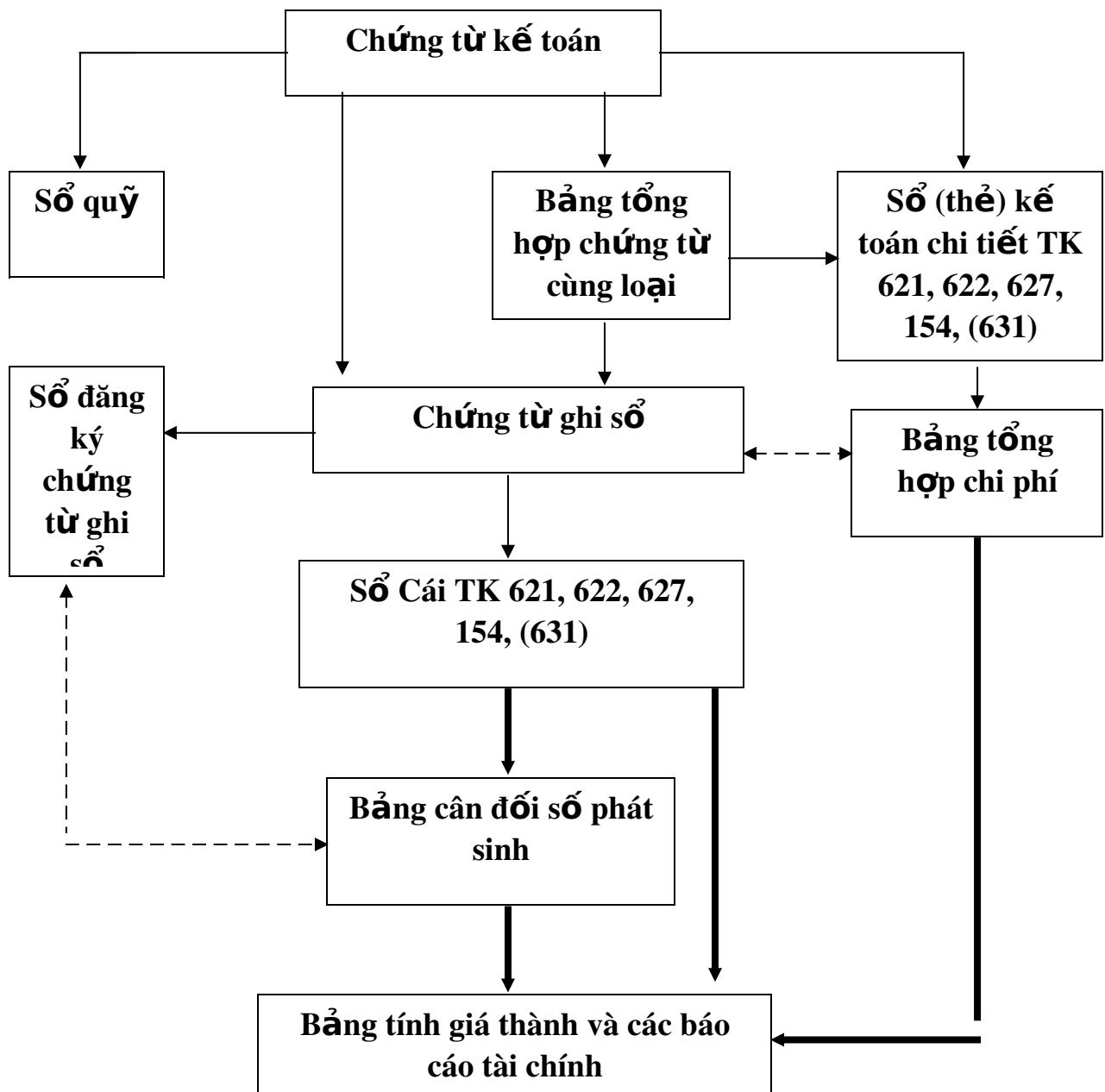
1.3.3 Đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức sổ Nhật ký-Sổ cái



**Sơ đồ 1.10:** Trình tự kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm  
theo hình thức Nhật ký-sổ Cái

Chú thích:      Ghi hàng ngày: →  
                        Ghi cuối tháng: →  
                        Đối chiếu kiểm tra: →

1.3.4 Đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức sổ Chứng từ ghi sổ



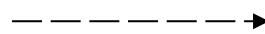
Sơ đồ 1.11: Trình tự kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo  
hình thức Chứng từ ghi sổ

Chú thích: Ghi hàng ngày: \_\_\_\_\_

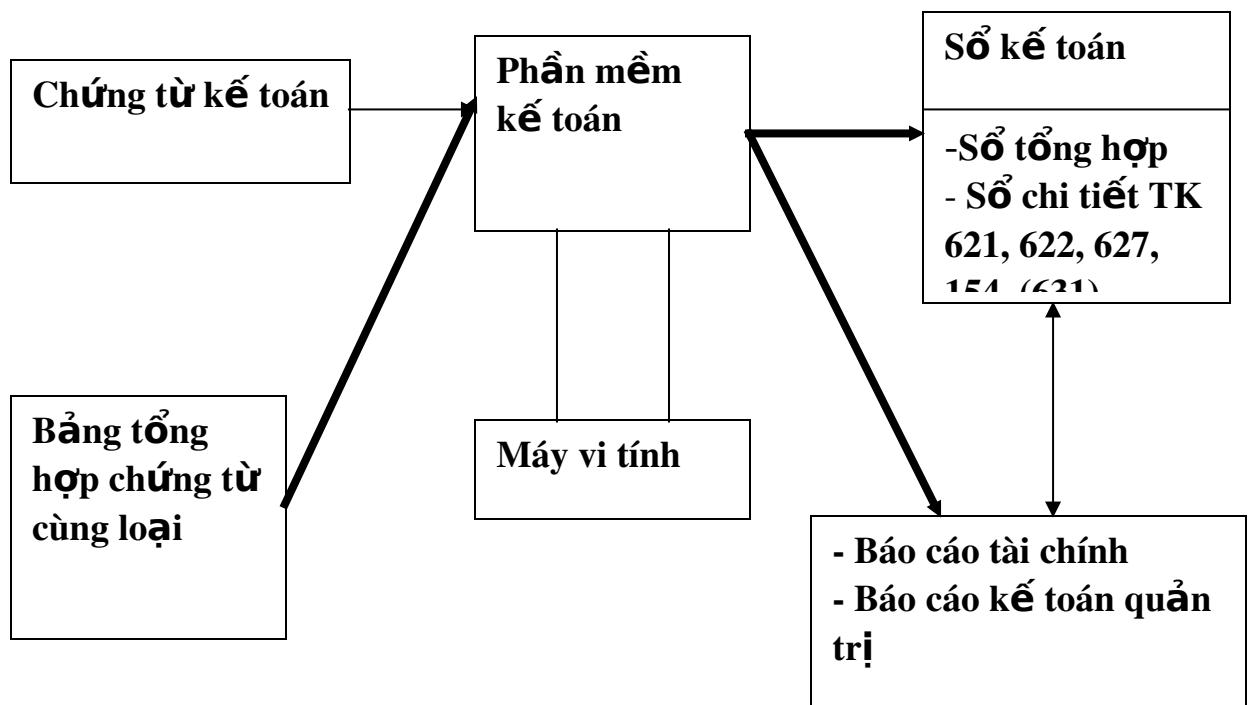
Ghi cuối tháng:



Đối chiếu kiểm tra:



### 1.3.5 Đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính



**Sơ đồ 1.12: Trình tự kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo  
hình thức kế toán trên máy vi tính**

**PHẦN II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT  
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY  
CỔ PHẦN SƠN ĐỨC VIỆT**

**2.1 Khái quát chung về công ty Cổ phần Sơn Đức Việt**

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Sơn Đức Việt được thành lập theo mô hình doanh nghiệp, dựa trên kết quả công trình hợp tác nghiên cứu của nhóm chuyên viên kỹ thuật tốt nghiệp khóa K33 hữu cơ Đại học Bách Khoa Hà Nội với các tập đoàn lớn hàng đầu thế giới như: Worlee\_chemie GMBH (Đức), Facol chemical (Mỹ), Cappelle (Bỉ)...

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỨC VIỆT
- Tên giao dịch: GERMANY-VIETNAMESE PAINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: gv paint.jsc
- Email: ducviet02@vnn.vn.
- Địa chỉ trụ sở chính: Xóm 2, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 04.39973955 Fax: 04.37185989
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0103036822
- Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, mua bán các mặt hàng sơn, mực in và chất liệu xây dựng. Các sản phẩm sơn chủ yếu của công ty như: sơn nội thất, sơn ngoại thất, sơn chống thấm, sơn lót.

Kinh doanh, nhập khẩu các hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ ngành sơn (trừ hóa chất nhà nước cấm).

Dịch vụ về tư vấn khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, đánh giá các tính chất của các loại sơn (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).

Tư vấn và thi công các công trình về nội thất, ngoại thất (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính và dịch vụ thiết kế công trình).

- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỉ đồng)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Người đại diện pháp luật của công ty:

Họ và tên: Huỳnh Quang Long

Chức danh: Giám đốc.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 58/333A, Quang Trung, phường 10, Gò Vấp, thành phố HCM.

Chỗ ở hiện tại: 49B, Tô Ngọc Vân, Quǎng An, Tây Hồ, HN.

Hơn mươi năm lao động nghiên cứu và triển khai bền bỉ, công ty đã cho ra đời các sản phẩm sơn trang trí và chất chống thấm chất lượng cao, phù hợp với khí hậu nhiệt đới khắc nghiệt, nóng ẩm ở Việt Nam.

Thành công đó là phần thưởng cho những nỗ lực không ngừng của lãnh đạo công ty trong việc chú trọng tạo dựng một hệ thống tổ chức chặt chẽ, đầu tư trang thiết bị hiện đại và đặc biệt là lực lượng cán bộ cộng tác viên có trình độ cao và đội ngũ công nhân có tay nghề, kinh nghiệm trong công việc.

Qua thời gian, công ty đã lớn mạnh và phát triển không ngừng. Công ty đã tham gia thực hiện nhiều công trình, rải khắp các miền của đất nước.

Công trình trường học Nhật Bản (Sao Nam Cực) 15 tầng tại khu đô thị Phú Mỹ Hưng được Công ty xây dựng Hòa Bình thực hiện.

Công trình Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lâm Đồng với đơn vị thi công là Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng.

Công trình bến cảng Nhà Rồng do Công ty phát triển nhà Quận 3 thực hiện.

Nhà khách Chính phủ Bộ Ngoại Giao, số 12 Ngô Quyền.

Nhà ở Học viện kỹ thuật Quân sự, số 100B, Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

Chi nhánh Ngân hàng Công thương, Quế Võ, Bắc Ninh.

Trung tâm đào tạo cán bộ ngân hàng Công thương, số 131 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Trạm quan trắc, trung tâm đào tạo cán bộ Viện khoa học- Bảo hộ lao động thuộc Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, số 216 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Trụ sở làm việc Cục cảnh sát môi trường-Bộ Công an, số 499 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Nhà xe lắp ráp xe máy chuyên dụng KPI-Hàn Quốc tại Hưng Yên, Km 21 Hà Nội, Hải Phòng.

Bệnh viện tâm thần-Viện A, thành phố Thái Nguyên.

Sân golf Hòa Bình, Km50 Hà Nội-Hòa Bình.

Nhà máy kính Vinaconex, đường cao tốc Láng Hòa Lạc

Ngoài ra còn có các biệt thự cao cấp tại các khu đô thị lớn như Mỹ Đình, Trung Hòa, Định Công, Trung Yên, Văn Quán..

Trong thời gian hoạt động, Sơn Đức Việt đã có những bước phát triển vượt bậc, trở thành một trong những công ty có uy tín trong lĩnh vực kinh doanh và sản xuất sơn nước xây dựng, đóng góp trong việc tạo dựng phát triển và làm đẹp diện mạo đô thị nói riêng và của đất nước nói chung.

Năm 2009 Công ty Cổ phần Sơn Đức Việt đã cho ra đời một số sản phẩm mới mang thương hiệu Rosman và Flasilk có tính ưu việt cao về chất lượng và giá cả, đã được khẳng định qua các công trình. Cùng với đội ngũ cán bộ nhân viên nhiệt tình, kinh nghiệm, sáng tạo, Công ty đã tạo được những niềm tin nhất định nơi khách hàng.

### **2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý**

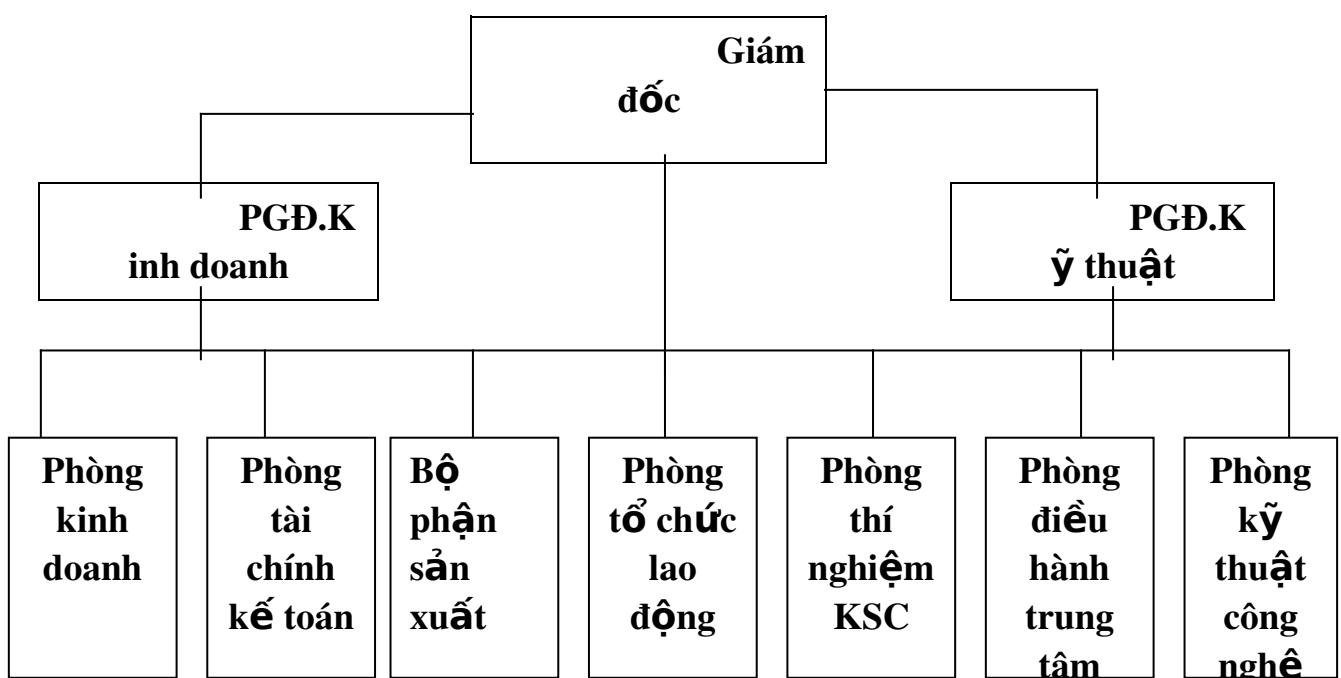
Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức như sau:

Đứng đầu là Giám đốc công ty, người có quyền hành cao nhất, chịu trách

nhiệm trước các cơ quan chủ quản, Nhà nước và tập thể công nhân

Ban giám đốc bao gồm có giám đốc và hai phó giám đốc là phó giám đốc kinh doanh và phó giám đốc kỹ thuật. Ngoài ra còn có bảy phòng ban, bộ phận.

Cụ thể được thể hiện qua sơ đồ sau:



---

**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Sơn Việt Đức**

Trong đó:

Giám đốc phụ trách trực tiếp các phòng ban: Phòng Tổ chức lao động, Phòng Tài chính-kế toán.

Phó Giám đốc kỹ thuật trực tiếp chỉ đạo khối kỹ thuật và các phòng ban như Phòng Kỹ thuật công nghệ, Phòng thí nghiệm KSC.

Phó Giám đốc kinh doanh chịu trách nhiệm trong việc kinh doanh của công ty, trực tiếp quản lý các phòng ban như Phòng kinh doanh tiêu thụ.

Các phòng ban:

+ Phòng kỹ thuật công nghệ: Giúp giám đốc quản lý chuyên sâu về lĩnh vực công nghệ, tiến bộ kỹ thuật để tổ chức sản xuất các chủng loại sơn.

+ Phòng thí nghiệm KSC: là phòng thí nghiệm để kiểm tra, đánh giá chất lượng sản xuất sơn trên dây chuyền sản xuất của công ty. Quản lý chất lượng vật tư đầu vào, chất lượng các bán thành phẩm, các chủng loại sơn xuất xưởng, giải quyết tranh chấp chất lượng hàng hóa.

+ Phòng điều hành trung tâm: quản lý tài sản lao động, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức vận hành cục bộ, riêng lẻ hay đồng bộ các thiết bị máy móc của từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất chính.

+ Phòng tổ chức lao động: có chức năng quản lý tổ chức, lao động, đào tạo, pháp chế, tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động nhằm phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

+ Phòng tài chính kế toán: là phòng nghiệp vụ có chức năng quản lý và giám sát mọi hoạt động kinh tế, tài chính trong công ty; tổ chức chỉ đạo và thực hiện toàn bộ công tác kế toán; thống kê thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế; kiểm soát kinh tế Nhà nước tại công ty thông qua công tác thống kê, kế toán các hoạt động kinh tế của các đơn vị, giúp giám đốc chỉ đạo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt nhất.

+ Phòng kinh doanh: Là phòng nghiệp vụ tham mưu cho giám đốc và chịu sự điều hành trực tiếp của phó giám đốc kinh doanh về công tác kinh doanh tiêu thụ sản phẩm.

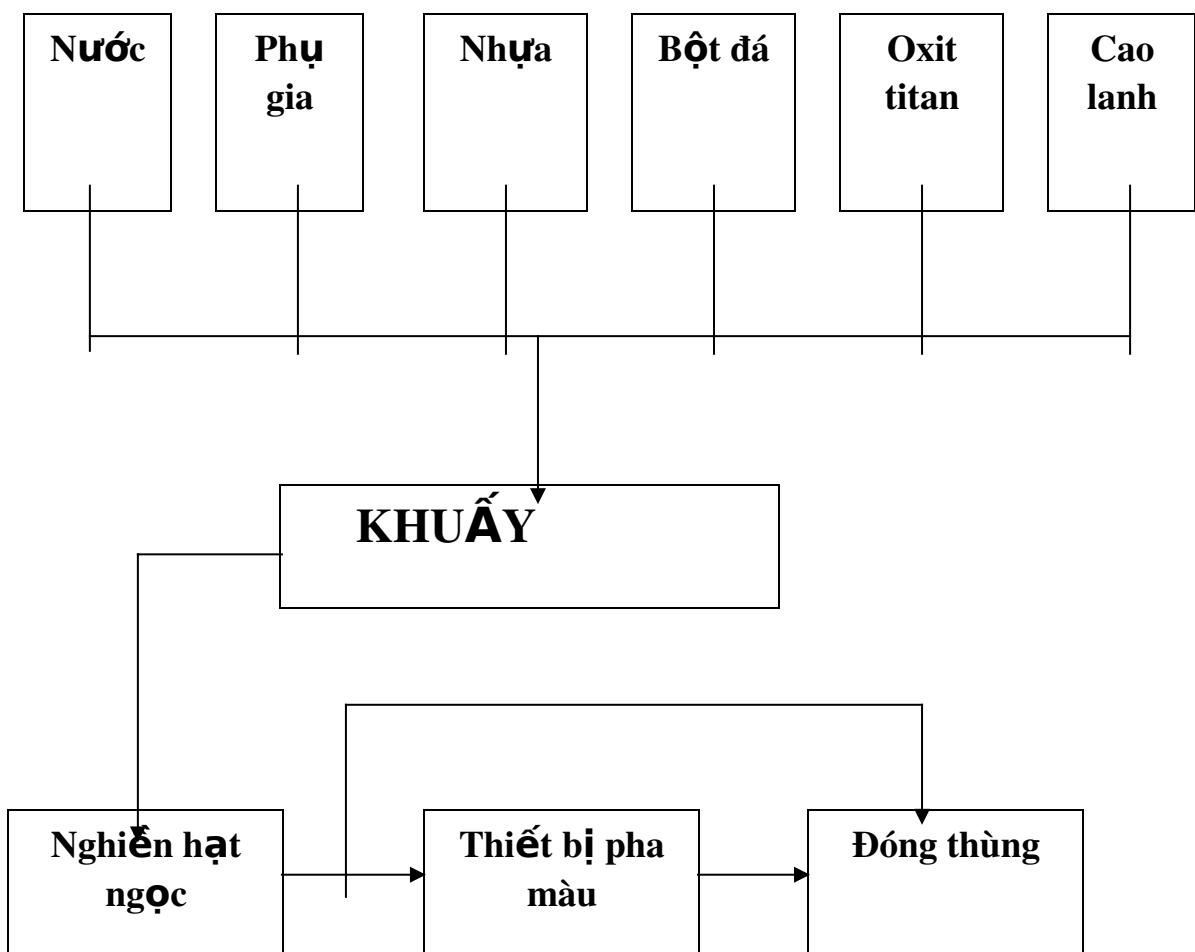
+ Bộ phận sản xuất: Trực tiếp chỉ đạo quá trình sản xuất kinh doanh, đảm

bảo đúng tiến độ sản xuất, chịu sự điều hành trực tiếp của phó giám đốc kinh doanh.

### 2.1.3 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh

Công ty thực hiện sản xuất bốn nhóm sản phẩm lớn với một quy trình sản xuất liên tục trong cùng một phân xưởng lớn. Đá vôi có kích thước 250-300mm được chuyển tới xưởng, đưa vào máy đập búa nghiền thành cỡ hạt 20-25mm, sau đó được chuyển đến hòa với nước, nhựa, phụ gia, oxit titan và cao lanh. Tất cả được khuấy đều và đưa vào máy nghiền hạt ngọc. Nếu lô hàng sản xuất là sơn trắng thì công đoạn tiếp theo là mang đi đóng thùng. Nếu muốn sản xuất sơn với các màu khác nhau thì dùng thiết bị pha màu để tạo màu, sau đó mới đem đi đóng thùng.

Cụ thể quy trình sản xuất được thể hiện qua sơ đồ sau:

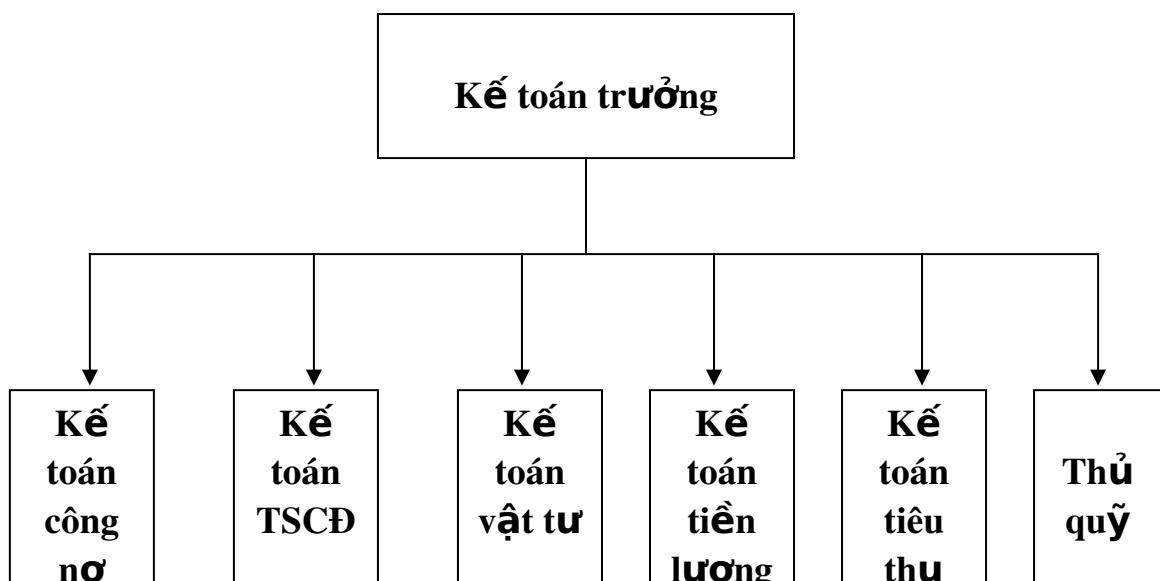


## Sơ đồ 2.2: Sơ đồ dây chuyền công nghệ sản xuất sơn nước

### 2.1.4 Đặc điểm tổ chức kế toán

#### 2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Với đặc điểm quy trình sản xuất phức tạp của mình, Công ty đã tổ chức một đội ngũ cán bộ kế toán đồng đảo để đáp ứng được yêu cầu về quản lý và nắm bắt được mọi tình hình sản xuất của công ty. Phòng kế toán tài chính của công ty có bảy người, với mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung. Cụ thể, tổ chức bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



## Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Sơn Việt Đức

Nhìn trên sơ đồ ta thấy, bộ máy kế toán được tổ chức khá phù hợp với quy mô sản xuất của Công ty, nhiệm vụ cụ thể của mỗi kế toán như sau:

Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm trước giám đốc về toàn bộ công tác kế toán và tài chính của công ty, điều hành công tác kế toán tài chính của công ty và những công việc của phòng kế toán, tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh và định kỳ lập báo cáo tài chính.

**Kế toán vật tư:** Theo dõi tình hình tài chính xuất-nhập-tồn kho NVL, CCDC trong kỳ, tính toán phân bổ chi phí NVL, CCDC vào chi phí sản xuất kinh doanh.

**Kế toán tiền lương:** Chịu trách nhiệm tổng hợp năng suất lao động của từng công nhân và bộ phận quản lý do các nhân viên thông kê gửi lên để tính lương và phân bổ hợp lý. Đồng thời, tính các khoản trích theo lương theo tỉ lệ quy định tính vào chi phí.

**Kế toán công nợ:** Chịu trách nhiệm theo dõi tình hình trả nợ cho người bán và thu hồi nợ của khách hàng. Lập sổ chi tiết theo dõi công nợ theo từng đối tượng để có biện pháp xử lý công nợ kịp thời, đảm bảo ổn định tình hình tài chính cho công ty.

**Kế toán TSCĐ:** Theo dõi, kiểm tra số lượng, chất lượng của TSCĐ của công ty. Ghi chép đầy đủ số lượng máy móc thiết bị được mua vào và thanh lý. Thực hiện công việc khấu hao TSCĐ, đến cuối tháng cung cấp số liệu cho kế toán trưởng và kế toán sản xuất các số liệu có liên quan đến việc trích khấu hao.

**Kế toán tiêu thụ:** Hạch toán tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định doanh thu, kết quả tiêu thụ và theo dõi tình hình bán hàng.

**Thủ quỹ:** Theo dõi tình hình thu chi tiền mặt. Có trách nhiệm báo cáo về tình hình tồn quỹ tiền mặt cho kế toán trưởng. Khi có giấy tờ liên quan đến việc thu chi tiền mặt thì thủ quỹ sẽ cho xuất quỹ và nhập quỹ.

#### 2.1.4.2 Đặc điểm vận dụng chế độ kế toán

Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên từ khi thành lập, Công ty áp dụng chế độ kế toán và hệ thống chứng từ được tổ chức theo Quyết định số 48/QĐ-BTC. Đến năm 2007, Công ty chuyển sang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ mới là QĐ số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo. Hệ thống chứng từ và sổ sách được ghi theo hình thức Nhật ký chung.

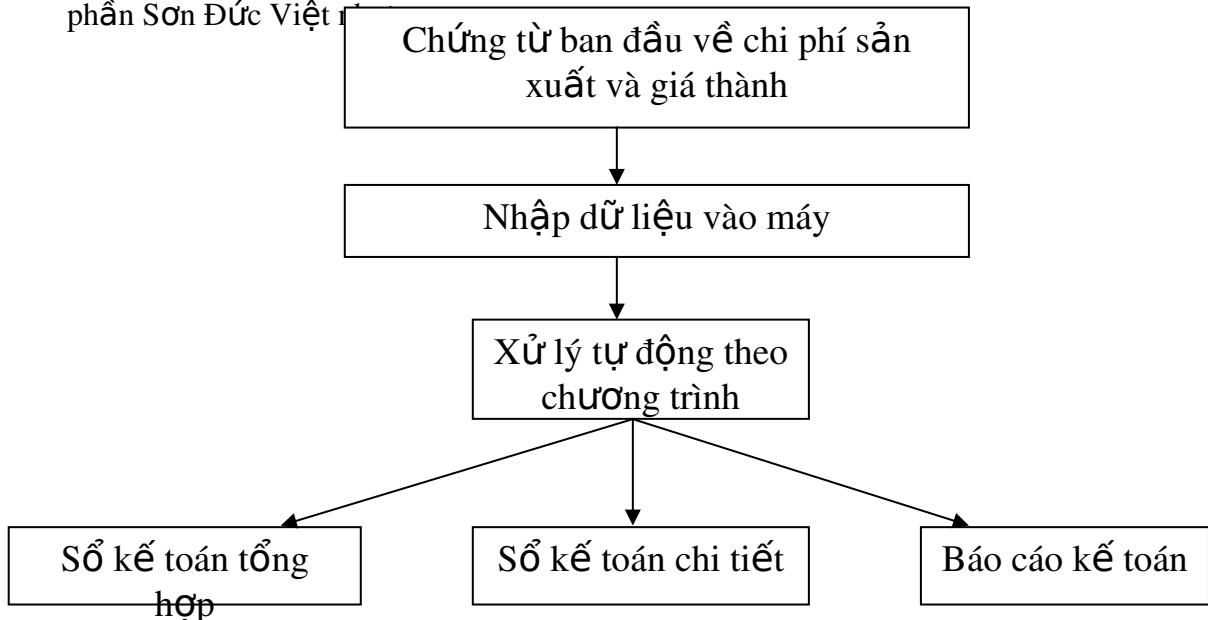
Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 năm dương lịch, thực hiện tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước, tập hợp chi phí cho toàn bộ quy trình sản xuất và tính giá thành cho các sản phẩm hoàn thành, thực hiện đánh giá hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Để công việc kế toán trở nên đơn giản hơn, Công ty đã sử dụng đến sự hỗ trợ

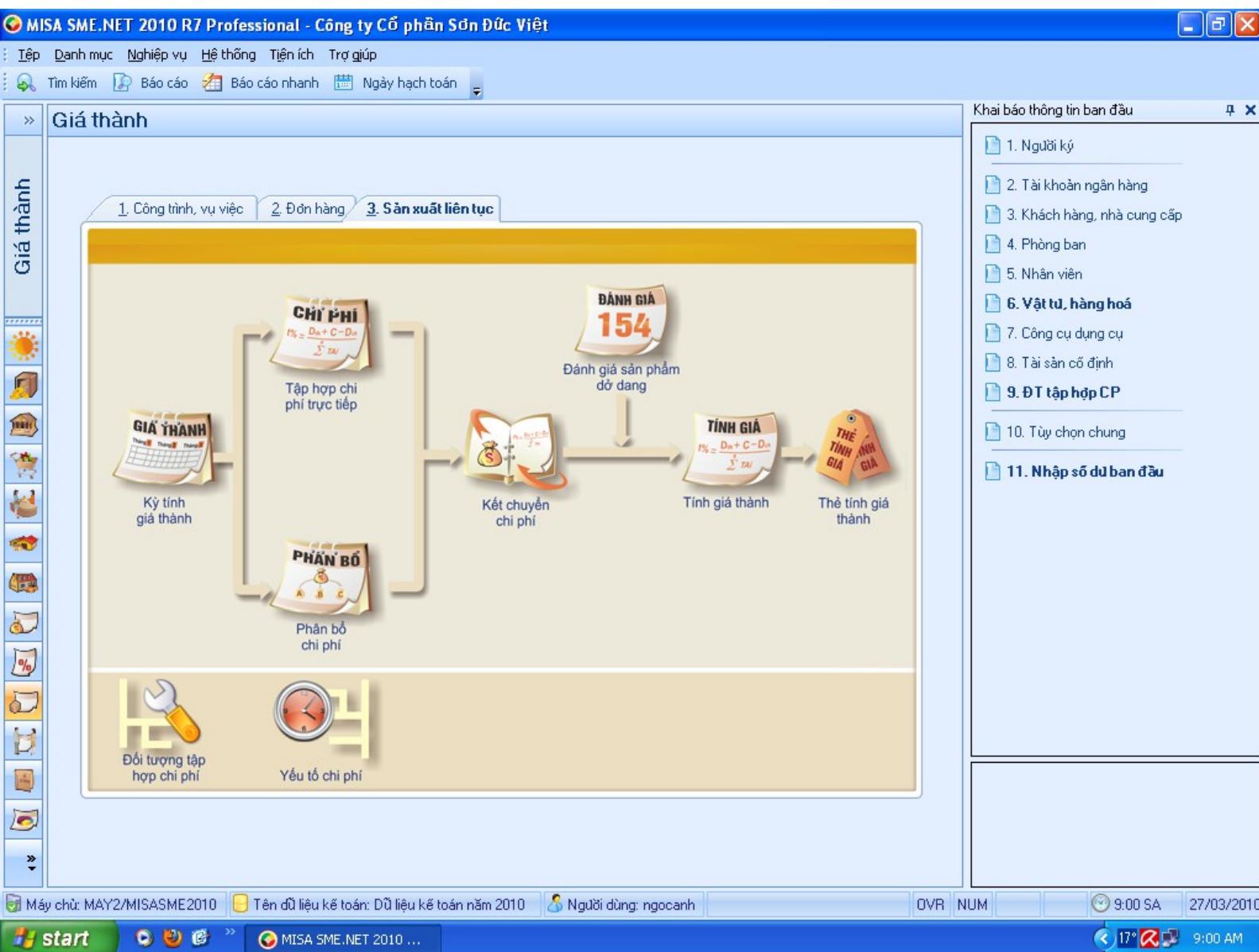
của phần mềm kế toán. Và phần mềm đang được Công ty sử dụng là phần mềm kế toán MISA SME version 7.9. Đây là phần mềm được sử dụng phổ biến cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình. Bởi vì phần mềm có quy trình hạch toán bằng hình ảnh đồng thời còn có phim hướng dẫn, sách, trợ giúp trực tuyến, website...

Phần mềm kế toán MISA SME được cập nhật các chế độ kế toán, tài chính mới nhất như Thông tư 84/2008/TT-BTC, 129/2008/TT-BTC và 130/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế giá trị gia tăng và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Quyết định 15/2006/QĐ-BTC và 48/2006/QĐ-BTC về Chế độ kế toán doanh nghiệp và Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư 103/2005/TT-BTC hướng dẫn về tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán.

Từ các chứng từ ban đầu, kế toán nhập dữ liệu vào máy, từ đó máy tính tự động đưa ra các sổ kế toán và các báo cáo tài chính. Cụ thể, trình tự ghi sổ tại công ty Cổ phần Sơn Đức Việt



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Sơn Đức Việt



**Màn hình 1: Màn hình giao diện phần hành kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của phần mềm kế toán Misa**

## 2.2 Thực tế công tác kế toán chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Sơn Đức Việt

### 2.2.1 Đặc điểm chung về chi phí sản xuất tại Công ty Sơn Đức Việt

Chi phí sản xuất tại Công ty được xác định là toàn bộ các hao phí về lao động, tài sản, vật tư, vốn bắc tiền... mà doanh nghiệp đã bỏ ra để sản xuất sản phẩm. Tất cả các chi phí được tính ra VNĐ và kỳ tính là hàng tháng.

Chi phí sản xuất phát sinh tại công ty được tập hợp vào 3 khoản mục: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.. Để phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của mình, Công ty tập hợp chi phí cho cả quy trình sản xuất tại phân xưởng, cuối kỳ kế toán thực hiện tính giá thành cho các sản phẩm hoàn thành đạt đủ tiêu chuẩn và nhập kho.

### **2.2.2. Nội dung kế toán chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần Sơn Đức Việt**

Trong giới hạn của đế tài, do thời gian nghiên cứu ngắn nên bài viết của em xin chỉ nêu đến vấn đề tập hợp chi phí và tính giá thành của phân xưởng sản xuất trong tháng 11/2009.

#### **2.2.2.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Nguyên vật liệu dùng để sản xuất sơn bao gồm các nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ.

- Nguyên vật liệu chính bao gồm Oxit titan KA-100, PNCN, Natrosol HHBR, Sidiun HSMP, Nusept 23SXC, NH4OH, phụ gia, cao lanh S100, bột đá MS3, nhựa 504...

- Nguyên vật liệu phụ: vỏ thùng.

Đối với vật tư tại kho công ty, phân xưởng căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu cho sản phẩm lập giấy lĩnh vật tư. Trong đó ghi rõ loại vật tư cần xuất, số lượng, mục đích sử dụng và bộ phận sử dụng rồi thông qua phòng kỹ thuật chuyên ngành xác định về nhu cầu. Sau khi giám đốc duyệt thì chuyển phòng kế toán làm căn cứ lập phiếu xuất vật tư. Phiếu được lập thành 3 liên: 1 liên được lưu tại phòng kế toán cùng với giấy lĩnh vật tư, 1 liên chuyển xuống tổng kho làm căn cứ lập phiếu xuất kho, 1 liên do bộ phận lĩnh vật tư giữ. Sau 7-10 ngày, thủ kho chuyển lên phòng kế toán làm căn cứ lập dữ liệu vào máy.

Đối với vật tư thuộc phân xưởng, trong tháng được đưa sử dụng theo kế hoạch sản xuất. Cuối mỗi tháng, kế toán phân xưởng tiến hành kiểm kê, tính toán và lập bảng cân đối sử dụng vật tư đã có chữ ký của xưởng lên phòng kỹ thuật thẩm định, sau đó trình giám đốc và phó giám đốc ký duyệt, rồi chuyển sang phòng kế toán làm căn cứ viết phiếu xuất vật tư và nhập dữ liệu vào máy.

Giá vật tư xuất dùng được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Tình hình về chi phí vật tư phát sinh trong kỳ được tập hợp và theo dõi trên tài

khoản 621.Tài khoản được chi tiết thành hai tài khoản cấp II

- TK 6211: Chi phí nguyên vật liệu chính.
- TK 6212: Chi phí nguyên vật liệu phụ.

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào sổ chi tiết của tài khoản 621 để tập hợp chi phí NVLTT và kết chuyển vào tài khoản 154.

**Biểu 1: Trích mẫu phiếu xuất kho**

Công ty CP Sơn Đức Việt  
Xóm 2-Đông Ngạc-Tù Liêm-Hà Nội

**Mẫu số 02-VT**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC).

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 5 tháng 11 năm 2009.  
Số: 125

Nợ: 621-1  
Có: 152-1

Họ và tên người nhận hàng: LÊ MINH ĐỨC

Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất.

Lý do xuất kho: Xuất vật liệu cho phân xưởng sản xuất tháng 11/2009.

Xuất tại kho: Vật tư-Kho.

S T T	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Bột đá MS3	MS3	Kg	500	500	1.065,2	532.600
2	Cao lanh S100	CLS	Kg	400	400	3.850	1.540.000
3	Bột Oxit titan	OTT	Kg	500	500	5.562,5	2.781.250
4	Nhựa HV 50A	NHV	Kg	500	500	9.100	4.550.000
5	Bột đá MS1	MS1	Kg	300	300	1.153	345.900
6	Cao lanh men	CLM	Kg	350	350	2.000	700.000
	Tổng cộng						<b>10.449.750</b>

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009.

**Phụ trách bộ phận sử  
dụng**  
(Ký, họ tên)

**Phụ trách cung  
tiêu (Ký, họ tên)**

**Người nhận  
(Ký, họ tên)**

**Thủ kho  
(Ký, họ  
tên)**

Xuất kho

Thông tin chung

Đối tượng	NV008	<input style="width: 20px; height: 20px;" type="button" value="+"/>	Nguyễn Văn Tiến
Địa chỉ	Xóm 5 - Đông Ngạc - Từ Liêm - Hà Nội		
Người nhận	Nguyễn Văn Tiến		
Lý do xuất	Xuất NVL dùng cho sx và chỉnh màu		
Kèm theo	01PVT		

Chứng từ

Ngày chứng từ	07/03/2009
Ngày hạch toán	07/03/2009
Số chứng từ	XK00291

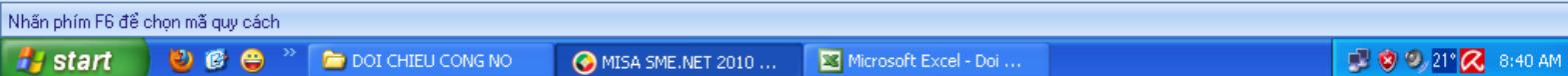
1. Hàng tiền 2. Thống kê

Mã hàng	Diễn giải	Kho	TK Nợ	TK Có	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Mục đích xuất
B1.0-TA	Bột Ôxyt Titan KA100	Bot	621	152	kg	300,00	3.500,00	1.050.000,00	Xuất dùng
B04-CL	Cao lanh men	Bot	621	152	kg	50,00	1.750,00	87.500,00	Xuất dùng
B05-CL	Cao lanh S-100	Bot	621	152	kg	25,00	3.000,00	75.000,00	Xuất dùng
B00-MS1	Bột đá MS1	Bot	621	152	kg	200,00	1.500,00	300.000,00	Xuất dùng
B00-MS3	Bột đá MS3	Bot	621	152	kg	300,00	1.100,00	330.000,00	Xuất dùng
N07	Nhựa HV504	Nhựa	621	152	kg	80,00	19.000,00	1.520.000,00	Xuất dùng

Bấm vào đây để thêm mới

Số dòng = 6

3.362.500,00



### Màn hình 2: Màn hình một mẫu phiếu xuất kho

Từ các phiếu xuất kho, kế toán lập hợp lượng vật tư xuất kho và đơn giá, thành tiền của mỗi loại vật tư vào bảng tổng hợp vật tư xuất dùng cho từng tháng.

**Bảng 1: Bảng tổng hợp vật tư xuất dùng cho phân xưởng trong tháng 11/2009**

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng	Diễn giải	Đơn vị	Tài khoản		Số tiền
			Nợ	Có	
5/11/2009	Xuất kho vật liệu chính			1521	<b>10.449.750</b>
	Bột đá MS3	Kg	6211		532.600
	Cao lanh S100	Kg	6211		1.540.000
	Bột Oxit titan	Kg	6211		2.781.250
	Nhựa HV 50A	Kg	6211		4.550.000
	Bột đá MS1	Kg	6211		345.900
	Cao lanh men	Kg	6211		700.000
6/11/2009	Xuất kho vật liệu phụ			1522	<b>2.000.000</b>
	Vỏ thùng	Cái	6212		2.000.000
15/11/2009	Xuất kho vật liệu chính	Kg		1521	<b>8.278.000</b>
	PGCN	Kg	6211		3.000.000
	Natrosol HHBR	Kg	6211		2.205.000
	Sodium HSMP	Kg	6211		3.073.000
19/11/2009	Xuất kho vật liệu chính	Kg		1521	<b>6.290.000</b>
	PGCN	Kg	6211		1.050.000
	Natrosol HHBR	Kg	6211		3.040.000
	Sodium HSMP	Kg	6211		2.200.000
21/11/2009	Xuất kho vật liệu phụ			1522	<b>3.465.120</b>
	Vỏ thùng	Cái	6212		3.465.120
	Tổng cộng				<b>30.482.870</b>

**Người ghi số**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2: Trích sổ Nhật ký chung tháng 11/2009 của công ty CP Sơn Đức Việt**

**Công ty CP Sơn Đức Việt**  
**Xóm 2-Đông Ngạc-Từ Liêm-Hà Nội**      **Mẫu số S03a-DN**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC).**  
**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 11/2009

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TKĐU	Số phát sinh	
	SH	Ngày, tháng					Nợ	Có
			.....				...	....
			Số trang trước chuyển sang					
5/11/2009	PC	5/11/2009	Chi tiền mặt mua phụ gia nhập kho			1522	3.045.300	
						111		3.045.300
5/11/2009	PXK125	5/11/2009	Xuất kho Bột đá MS3 cho SXSP			6211	532.600	
						1521		532.600
5/11/2009	PXK125	5/11/2009	Xuất kho cao lanh S100 cho SXSP			6211	1.540.000	
						1521		1.540.000
5/11/2009	PXK125	5/11/2009	Xuất kho bột Oxit titan cho SXSP			6211	2.781.250	
						1521		2.781.250
5/11/2009	PXK125	5/11/2009	Xuất kho nhựa HV 50A cho SXSP			6211	4.550.000	
						1521		4.550.000
5/11/2009	PXK125	5/11/2009	Xuất kho bột đá MS1 cho SXSP			6211	345.900	
						1521		345.900
5/11/2009	PXK125	5/11/2009	Xuất kho cao lanh men cho SXSP			6211	700.000	

						1521		700.000
6/112009	PXK125	6/112009	Xuất kho vỏ thùng			6211	2.000.000	
						1522		2.000.000
15/112009	PXK126	15/112009	Xuất kho PGCN cho SXSP			6211	3.000.000	
						1521		3.000.000
15/112009	PXK126	15/112009	Xuất kho Natrosol HHBR			6211	2.205.000	
						1521		2.205.000
15/112009	PXK126	15/112009	Xuất kho Sodium HSMP			6211	3.073.000	
						1521		3.073.000
16/11/2009	PC	16/11/2009	Tạm ứng tiền công tác phí cho GĐ			141	1.500.000	
						111		1.500.000
19/11/2009	PXK127	19/11/2009	Xuất kho PGCN cho SXSP			6211	1.050.000	
						1521		1.050.000
19/11/2009	PXK127	19/11/2009	Xuất kho Natrosol HHBR			6211	3.040.000	
						1521		3.040.000
19/11/2009	PXK127	19/11/2009	Xuất kho Sodium HSMP			6211	2.200.000	
						1521		2.200.000
21/11/2009	PXK128	21/11/2009	Xuất kho vỏ thùng			6211	3.465.120	
						1522		3.465.120
30/11/2009	BPBKH	30/11/2009	Trích khấu hao TSCĐ			627	12.252.000	
						641	4.653.580	
						642	5.984.200	
						214		22.889.780
30/11/2009	BTL	30/11/2009	Tính lương phải trả			622	63.050.500	
						627	25.000.000	

					641	25.500.000	
					642	55.000.000	
					334		168.550.500
30/11/2009	BPBTL	30/11/2009	Các khoản trích theo lương		622	11.979.595	
					627	4.750.000	
					641	4.845.000	
					642	10.450.000	
					334	8.730.000	
					338		40.754.595
30/11/2009		30/11/2009	Kết chuyển chi phí NVLTT		154	30.482.870	
					6211		30.482.870
30/11/2009		30/11/2009	Kết chuyển chi phí NCTT		154	75.030.095	
					622		75.030.095
30/11/2009		30/11/2009	Kết chuyển chi phí SXC		154	44.591.500	
					627		44.591.500
			Tổng cộng			<b>417.327.510</b>	<b>417.327.510</b>

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2009.  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 3: Trích sổ Cái Tài Khoản 621****Công ty CP Sơn Đức Việt****Xóm 2-Đông Ngạc-Từ Liêm-Hà Nội****Mẫu số S03a-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC).

**SỔ CÁI TK 621**

Năm: 2009

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 143

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐU	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			.....					
			Số dư đầu tháng 11/2009					
5/11/2009	PXK125	5/11/2009	Xuất kho VLC cho SX			1521	10.449.750	
5/11/2009	PXK125	5/11/2009	Xuất kho VLP cho SX			1522	2.000.000	
15/11/2009	PXK126	15/11/2009	Xuất kho VLC cho SX			1521	8.278.000	
19/11/2009	PXK127	19/11/2009	Xuất kho VLC cho SX			1521	6.290.000	
21/11/2009	PXK128	21/11/2009	Xuất kho VLP cho SX			1522	3.465.120	
30/11/2009		30/11/2009	K/c chi phí NVLTT			154		30.482.870
			Tổng số phát sinh				30.482.870	30.482.870
			Số dư cuối tháng 11/2009				-	-
			.....					

Ngày 30 tháng 11 năm 2009.

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

#### **2.2.2.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất như lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp theo lương theo tỉ lệ quy định (BHYT, BHXH, KPCĐ).

Chi phí về tiền lương: Tiền lương của công nhân sản xuất bao gồm tiền lương sản phẩm và các khoản phụ cấp (đối với các đối tượng được hưởng phụ cấp).

- Lương sản phẩm: Hàng tháng, căn cứ vào sổ ghi sản phẩm của từng công nhân, sau khi đã kiểm tra đối chiếu, quản đốc phân xưởng tập hợp lượng sản phẩm mà từng công nhân thực hiện được trong tháng căn cứ vào sổ ghi sản phẩm của công nhân, sau đó gửi bảng tổng hợp sản phẩm lên phòng tài chính kế toán. Kế toán tiền lương có nhiệm vụ tính toán tiền lương cụ thể cho từng công nhân theo số lượng sản phẩm họ làm ra và theo đơn giá tiền lương công ty đã phê duyệt:

**Lương sản phẩm = số sản phẩm hoàn thành \* Đơn giá lương sản phẩm.**

- Đối với tiền lương công nhân nghỉ phép: Công ty không trích trước tiền lương nghỉ phép. Tiền lương công nhân nghỉ phép căn cứ vào số ngày nghỉ thực tế như sau:

Tiền Số ngày x Tiền lương cơ bản  
lương nghỉ = nghỉ phép \_\_\_\_\_  
phép Ngày công chế độ

Ngoài ra, công nhân Công ty còn được hưởng lương khuyến khích sản xuất dưới dạng tiền thưởng vào dịp tổng kết 6 tháng và cả năm, căn cứ vào phân loại lao động và ngày công làm việc thực tế để xét thưởng. Khoản thưởng này được trích từ quỹ lương của Công ty. Như vậy, tiền lương của công nhân được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Tiền lương công nhân} & & \text{Tiền lương sản} & & \text{Phụ cấp} & & \text{Các khoản tiền} \\ \text{trực tiếp sản xuất} & = & \text{phẩm} & + & \text{lương} & + & \text{thưởng sản} \\ & & & & & & \text{xuất} \end{array}$$

- Đối với các khoản trích theo lương: Công ty thực hiện trích lập theo chế độ hiện hành. Thực tế công ty trích 19% tổng tiền lương, trong đó: 15% là BHXH, 2% BHYT,

2% KPCĐ tính vào chi phí sản xuất, phần còn lại 5% BHXH và 1% BHYT người lao động phải đóng góp và được trừ vào lương hàng tháng.

Kế toán tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ vào tài khoản 622. Tài khoản này được chi tiết cho các tổ đội như sau:

- TK 6221: chi phí NCTT tổ trộn.
- TK 6222: Chi phí NCTT tổ nghiên.
- TK 6223: Chi phí NCTT tổ pha màu.
- TK 6224: Chi phí NCTT tổ đóng thùng.

Căn cứ vào số tiền lương phải trả cho công nhân viên, kế toán lập bảng thanh toán tiền lương. Căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương, kế toán lập bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương.

**Bảng 2: Trích bảng thanh toán tiền lương công nhân sản xuất tổ trộn****Công ty CP Sơn Đức việt****Đơn vị: Tổ trộn****BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG  
TỔ TRỘN**

Tháng 11 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Lương		Tổng số	Các khoản khấu trừ vào lương			Được	
		SP	Số công		Số tiền	BHXH	BHYT	Công	Ký nhận
1	Nguyễn Quang Trung	25	3.250.000	3.250.000	162.500	32.500	195.000	3.055.000	
2	Phan Văn Tuấn	26	3.380.000	3.380.000	169.000	33.800	202.800	3.177.200	
3	Lê Ngọc Minh	27	3.510.000	3.510.000	175.500	35.100	210.600	3.299.400	
	.....	....	...	....	....	....	....	....	
8	Phan Nguyễn Mai	27	3.510.000	3.510.000	175.500	35.100	210.600	3.299.400	
9	Nguyễn Đức Anh	27	3.510.000	3.510.000	175.500	35.100	210.600	3.299.400	
	Công	262	<b>20.260.000</b>	<b>20.260.000</b>	<b>3.039.000</b>	<b>405.200</b>	<b>405.200</b>	<b>19.854.800</b>	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười chín triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm đồng.

Ngày 31 tháng 11 năm 2009.

**Người lập**  
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Bảng 3: Trích bảng phân bổ tiền lương và BHXH****Công ty CP Sơn Đức việt****Xóm 2-Đông Ngạc-Từ Liêm-Hà Nội****BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BHXH**

Tháng 11 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

STT	Ghi Có TK Đối tượng sử dụng	TK 334-Phải trả công nhân viên		TK 338-Phải trả, phải nộp khác				TK 335	Tổng cộng
		Lương	Tổng cộng	BHXH	BHYT	K PCĐ	Tổng cộng		
1	TK 6221-Chi phí NCTT tại tổ trộn	20.260.000	20.260.000	3.039.000	405.200	405.200	3.849.400		24.109.400
2	TK 6222- Chi phí NCTT tại tổ nghiên	15.655.500	15.655.500	2.348.325	313.110	313.110	2.974.545		18.630.045
3	TK 6223-Chi phí NCTT tại tổ pha màu	16.715.000	16.715.000	2.507.250	334.300	334.300	3.175.850		19.890.850
4	TK 6224-Chi phí NCTT tổ đóng thùng	10.420.000	10.420.000	1.563.000	208.400	208.400	1.979.800		12.399.800
5	TK 627-Chi phí SXC	25.000.000	25.000.000	3.750.000	500.000	500.000	4.750.000		29.750.000
6	TK 641-Chi phí BH	25.500.000	25.500.000	3.825.000	255.000	255.000	4.335.000		29.835.000
7	TK 642-Chi phí QLDN	65.000.000	65.000.000	9.750.000	1.300.000	1.300.000	12.350.000		77.350.000
8	TK 334-Phải trả công nhân viên			8.764.800	1.752.960		10.517.760		10.517.760
9	Tổng cộng		<b>175.296.500</b>	<b>35.059.200</b>	<b>5.258.880</b>	<b>3.505.920</b>	<b>43.824.000</b>		<b>219.120.595</b>

**Người lập  
(Ký, họ tên)****Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)****Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)****Biểu 4: Trích số Cái tài khoản 622 tháng 11/2009**

Công ty CP Sơn Đức việt  
Xóm 2-Đông Ngạc-Từ Liêm-Hà Nội

## SỐ CÁI TÀI KHOẢN 622

Năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		giải	Diễn	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐU	Số tiền	
NT	Số hiệu			Trang số	STT dòng		Nợ	Có
		Số dư đầu tháng					-	-
		Số phát sinh trong tháng						
30/11/2009	BTTL	Tính lương phải trả cho CNTT tại tổ trộn				334	20.260.000	
30/11/2009	BPBTL	Các khoản trích theo lương của công nhân tổ trộn				338	3.849.400	
30/11/2009	BTTL	Lương CNTT tổ nghiên				334	15.655.500	
30/11/2009	BPBTL	Các khoản trích theo lương công nhân tổ nghiên				338	2.974.545	
30/11/2009	BTTL	Lương CNTT tổ pha màu				334	16.715.000	
30/11/2009	BPBTL	Các khoản trích theo lương công nhân tổ pha màu				338	3.175.850	
30/11/2009	BTTL	Lương CNTT tổ đóng thùng				334	10.420.000	
30/11/2009	BPBTL	Các khoản trích theo lương của CN tổ đóng thùng				338	1.979.800	
30/11/2009		Kết chuyển chi phí NCTT						75.030.095
		Cộng số phát sinh					<b>75.030.095</b>	<b>75.030.095</b>
		Số dư cuối tháng					-	-

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2009.  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.2.3 Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, liên quan đến quá trình sản xuất của sản phẩm. Chi phí sản xuất chung mà công ty hạch toán bao gồm:

Chi phí nhân viên phân xưởng: Gồm các khoản chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ), phụ phí quản lý phân xưởng cho nhân viên quản lý phân xưởng và lao động gián tiếp.

Chi phí nguyên vật liệu dùng cho phân xưởng.

Chi phí công cụ phân xưởng: chi phí về thùng đựng nguyên vật liệu, các dụng cụ bảo hộ như khẩu trang, găng tay, ủng...

Chi phí khấu hao TSCĐ phân xưởng.

Chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho phân xưởng: điện, nước, điện thoại...

Công ty sử dụng tài khoản 627-Chi phí sản xuất chung để tập hợp chi phí sản xuất chung. Tại công ty, tài khoản này được chi tiết thành các tài khoản cấp hai như sau:

TK 6271: Chi phí lương nhân viên phân xưởng.

TK 6272: Chi phí vật liệu.

TK 6273: Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng.

TK 6274: Chi phí khấu hao và SCL TSCĐ

TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6278: Chi phí khác bằng tiền.

**Chi phí nhân viên phân xưởng:** Bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng.

Tiền lương của nhân viên phân xưởng được tập hợp và phân bổ cho từng sản phẩm theo đơn giá tiền lương.

Với các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng thì được trích theo tỷ lệ quy định. Sau đó được tập hợp theo từng phân xưởng và phân bổ cho từng sản phẩm theo sản lượng sản xuất.

**Chi phí vật liệu và dụng cụ sản xuất:** Chi phí vật liệu và dụng cụ dùng cho phân xưởng được tập hợp về tài khoản 627. Chỉ có trong trường hợp công cụ dụng cụ xuất

dùng có giá trị lớn thì kế toán tiến hành phân bổ cho nhiều kỳ kinh doanh.

**Chi phí khấu hao TSCĐ:** Công ty sử dụng phần mềm kế toán MISA, là phần mềm quy định việc tính khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng và trích khấu hao theo nguyên tắc tròn tháng.

**Bảng 4: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung****Công ty CP Sơn Đức việt**

Xóm 2-Đông Ngạc-Từ Liêm-Hà Nội

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG**

Tháng 11/2009

Đơn vị tính: đồng

STT	Diễn giải	TKĐU	Ghi Nợ TK						Tổng cộng
			6271	6272	6273	6274	6277	6278	
1	Lương cho nhân viên QLPX	334	25.000.000						25.000.000
2	Các khoản trích theo lương	338	4.750.000						4.750.000
3	Khấu hao TSCĐ	214				12.252.000			12.252.000
4	Chi phí DV mua ngoài	111					2.589.500		2.589.500
	Tổng cộng		<b>29.750.000</b>			<b>12.252.000</b>	<b>2.589.500</b>		<b>44.591.500</b>

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Biểu 5: Trích sổ Cái tài khoản 627 tại phân xưởng I**  
**Công ty CP Sơn Đức Việt**  
**Mẫu số S03a-DN**  
**Xóm 2-Đông Ngạc-Từ Liêm-Hà Nội** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
**BTC).**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 627**

Tháng 11 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 11				-	-
			Số phát sinh					
30/11/2009	BTTL	30/11/2009	Lương nhân viên QLPX			334	25.000.000	
30/11/2009	BPBTL	30/11/2009	Các khoản trích theo lương			338	4.750.000	
30/11/2009	PC	30/11/2009	Tiền điện dùng cho SX			111	2.589.500	
30/11/2009	BPBKH	30/11/2009	Phân bổ hao hao TSCĐ			214	12.252.000	
30/11/2009		30/11/2009	Kết chuyển chi phí SXC			154		44.591.500
			Tổng số phát sinh				<b>44.591.500</b>	<b>44.591.500</b>
			Số dư cuối tháng				-	-

Ngày 30 tháng 11 năm 2009.

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.3 Tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ**

**2.2.3.1 Tổng hợp chi phí sản xuất**

Cuối mỗi tháng, kế toán lập hợp chi phí và thực hiện bút toán kết chuyển về tài khoản 154-Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

**Nợ TK 154:**

**Có TK 621:**

**Có TK 622:**

**Có TK 627:**

Ta có biểu trích sổ Cái tài khoản 154 như sau:

**Biểu 6: Trích sổ cái tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tháng 11/2009****Công ty CP Sơn Đức Việt****Mẫu số S03a-DN****Xóm 2-Đông Ngạc-Từ Liêm-Hà Nội****(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày****20/03/2006 của Bộ trưởng BTC).****SỐ CÁI TÀI KHOẢN 154**

Tháng 11 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 11				-	-
			Số phát sinh					
30/11/2009	BTTL	30/11/2009	Kết chuyển CPNVLTT			621	30.482.870	
30/11/2009	BPBTL	30/11/2009	Kết chuyển CPNCTT			622	75.030.095	
30/11/2009	PC	30/11/2009	Kết chuyển CPSXC			627	42.002.000	
30/11/2009	BPBKH	30/11/2009	Nhập kho thành phẩm			155		147.514.965
30/11/2009		30/11/2009	Tổng số phát sinh				<b>147.514.965</b>	<b>147.514.965</b>
			Số dư cuối tháng				-	-

Ngày 30 tháng 11 năm 2009.

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.3.2 Đánh giá sản phẩm dở dang

Công ty tiến hành sản xuất các loại sản phẩm trong cùng một quy trình sản xuất. Việc xác định chi phí NVLTT cho từng loại sản phẩm là hết sức khó khăn, do đó, thực tế công ty không đánh giá giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ. Tổng giá thành sản phẩm chính là tổng chi phí đã bõ ra:

$$\text{Tổng giá thành sản phẩm} = \text{Tổng chi phí sản xuất}$$

## 2.3 Thực tế công tác tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sơn Đức Việt

### 2.3.1 Đối tượng và kỳ tính giá thành

Với đặc điểm sản xuất chỉ trong một phân xưởng, Công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí là toàn bộ quy trình sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là các sản phẩm hoàn thành theo tiêu chuẩn nhập kho.

### 2.3.2 Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Sản phẩm sản xuất ra của công ty là nhiều loại với các công dụng, tính chất khác nhau nhưng lại được sản xuất trong cùng một quy trình, do đó, Công ty tiến hành tính giá thành theo phương pháp hệ số.

Từ hệ số tính giá thành được công ty xác định, kế toán tiến hành quy đổi sản lượng từng loại sản phẩm thành sản lượng sản phẩm tiêu chuẩn (đơn vị tính là thùng) theo công thức:

$$\begin{array}{lcl} \text{Tổng sản} & = & n \\ \text{lượng quy đổi} & & \end{array} \quad \begin{array}{lcl} \text{Số lượng} & & \text{Hệ số quy đổi về sản} \\ \text{thực tế sản} & \times & \text{phẩm tiêu chuẩn của sản} \\ \text{phẩm i} & & \text{phẩm i} \end{array}$$

Để tính giá thành đơn vị cho từng loại sản phẩm ở Công ty tiến hành tính hệ số phân bổ chi phí cho từng loại sản phẩm theo sản lượng quy đổi:

$$\begin{array}{lcl} \text{Hệ số phân} & & \text{Sản lượng quy đổi của sơn i} \\ \text{bổ chi phí loại} & = & \hline \\ \text{sơn i} & & \text{Tổng sản lượng quy đổi} \end{array}$$

Tính giá thành đơn vị từng loại sơn:

$$\frac{\text{Tổng giá thành loại}}{\text{sơn i}} = \frac{\text{Tổng giá thành}}{\text{loại sơn i}} \times \frac{\text{Hệ số phân bổ chi phí}}{\text{loại sơn i}}$$

$$\frac{\text{Giá thành}}{\text{đơn vị loại}} = \frac{\text{Tổng giá thành loại sơn i}}{\text{sơn i}}$$

Sau khi tính được các chỉ tiêu tổng giá thành từng loại sơn, giá thành đơn vị cho từng loại sơn, kế toán tiến hành lập bảng tính giá thành từng loại sơn và tính chung cho tất cả các loại sơn.

Ví dụ: Tháng 11/2009 tại công ty có các số liệu như sau (Đơn vị tính: đồng)  
Tổng giá thành: 147.514.965 đồng

Trong đó:

Chi phí NVLTT: 30.482.870 đồng

Chi phí NCTT: 75.030.095 đồng

Chi phí SXC: 42.002.000 đồng

Sản phẩm được công ty sản xuất ra nhiều nhất, số lượng tiêu thụ lớn nhất được lựa chọn có hệ số bằng 1 là sơn nội thất. Hệ số tính giá thành của các sản phẩm sơn còn lại như sau: Sơn ngoại thất là 1,2; sơn lót là 1,4; sơn chống thấm là 0,8.

Căn cứ vào sản lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho trong tháng, kế toán tiến hành quy đổi theo hệ số tính giá thành theo biểu sau:

STT	Tên sản phẩm	Sản lượng	Hệ số quy đổi	Sản lượng quy đổi (thùng)
1	Sơn nội thất	200	1.0	200
2	Sơn ngoại thất	100	1.2	120
3	Sơn lót	150	1.4	210
4	Sơn chống thấm	150	0.8	120
	Tổng cộng			650

Từ đó kế toán tiến hành tính các chỉ tiêu:

**Tính giá thành của sơn ngoại thất:**

Hệ số phân bổ:

$$\text{Hệ số phân bổ chi phí sản ngoại} = 120 \quad 0.185$$

$$\text{thất} \qquad \qquad \qquad \frac{\text{}}{650} =$$

Chỉ tiêu tổng giá thành:

$$\text{Tổng giá thành sản ngoại thất} = 147.514.965 * 0.185 = 27.290.268 đồng$$

Trong đó:

$$\text{Chi phí NVLTT} = 30.482.870 * 0.185 = 5.639.330 đồng$$

$$\text{Chi phí NCTT} = 75.030.095 * 0.185 = 13.880.567 đồng$$

$$\text{Chi phí SXC} = 42.002.000 * 0.185 = 7.770.370 đồng$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản ngoại} \qquad \qquad 27.290.268$$

$$\text{thất} \qquad \qquad \qquad = \frac{\text{}}{100} = 272.902,68 đồng/thùng$$

**Tính giá thành của sơn nội thất:**

Hệ số phân bổ:

$$\begin{array}{rcl} \text{Hệ số phân bổ chi phí sơn nội} & 200 & 0.30 \\ \text{thất} & = & \frac{200}{650} = 8 \end{array}$$

Chỉ tiêu tổng giá thành:

$$\text{Tổng giá thành sơn nội thất} = 147.514.965 * 0.308 = 45.434.609 \text{ đồng}$$

Trong đó:

$$\text{Chi phí NVLTT} = 30.482.870 * 0.308 = 9.388.724 \text{ đồng}$$

$$\text{Chi phí NCTT} = 75.030.095 * 0.308 = 23.109.269 \text{ đồng}$$

$$\text{Chi phí SXC} = 42.002.000 * 0.308 = 12.936.616 \text{ đồng}$$

$$\begin{array}{rcl} \text{Giá thành đơn vị sơn nội} & 45.434.609 & = 227.173.045 \text{ đồng/thùng} \\ \text{thất} & = & \frac{45.434.609}{200} \end{array}$$

**Tính giá thành của sơn lót:**

Hệ số phân bổ:

$$\begin{array}{rcl} \text{Hệ số phân bổ} & 210 & 0.323 \\ \text{chi phí sơn lót} & = & \frac{210}{650} = \end{array}$$

Chỉ tiêu tổng giá thành:

$$\text{Tổng giá thành sơn lót} = 147.514.965 * 0.323 = 47.647.334 \text{ đồng}$$

Trong đó:

$$\text{Chi phí NVLTT} = 30.482.870 * 0.323 = 9.845.967 \text{ đồng}$$

$$\text{Chi phí NCTT} = 75.030.095 * 0.323 = 24.234.721 \text{ đồng}$$

$$\text{Chi phí SXC} = 42.002.000 * 0.323 = 13.566.646 \text{ đồng}$$

$$\begin{array}{rcl} \text{Giá thành đơn vị} & 47.647.334 & = 317.649 \\ \text{sơn lót} & = & \frac{47.647.334}{150} \text{ đồng/thùng} \end{array}$$

**Tính giá thành của sơn chống thấm:**

Hệ số phân bổ:

$$\text{Hệ số phân bổ chi phí sơn chống thấm} = \frac{120}{650} = 0.185$$

Chỉ tiêu tổng giá thành:

$$\text{Tổng giá thành sơn chống thấm} = 147.514.965 * 0.185 = 27.290.268 đồng$$

Trong đó:

$$\text{Chi phí NVLTT} = 30.482.870 * 0.185 = 5.639.330 đồng$$

$$\text{Chi phí NCTT} = 75.030.095 * 0.185 = 13.880.567 đồng$$

$$\text{Chi phí SXC} = 42.002.000 * 0.185 = 7.770.370 đồng$$

$$\begin{array}{lcl} \text{Giá thành đơn vị sơn} & 27.290.268 & \\ \text{chống thấm} & = \frac{}{150} & = \text{đồng/thùng} \end{array}$$

Sau khi tính toán xong các chỉ tiêu trên, kế toán tiến hành lập thẻ tính giá thành cho từng loại sơn:

**Bảng 5: Bảng tính giá thành sản phẩm sơn ngoại thất**

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM  
SƠN NGOẠI THẤT**

SL: 100

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia theo khoản mục		
		NVLTT	NCTT	SXC
Chi phí SXDDDK				
Chi phí phát sinh trong kỳ	147.514.965	30.482.870	75.030.095	42.002.000
Hệ số phân bổ chi phí		0,185	0,185	0,185
Tổng giá thành sản phẩm	27.290.268	5.639.330	23.109.269	7.770.370
Giá thành đơn vị	<b>272.902,68</b>	56.393,3	138.805,67	77.703,7
Chi phí SXDDCK				

Ngày 30 tháng 11 năm 2009.

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Bảng 6: Bảng tính giá thành sản phẩm sơn nội thất**

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM  
SƠN NỘI THẤT**

SL: 200

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia theo khoản mục		
		NVLTT	NCTT	SXC
Chi phí SXDDDK				
Chi phí phát sinh trong kỳ	147.514.965	30.482.870	75.030.095	42.002.000
Hệ số phân bổ chi phí	0,308	0,308	0,308	0,308
Tổng giá thành sản phẩm	45.434.609	9.388.724	13.880.567	12.936.616
Giá thành đơn vị	<b>227.173.045</b>	46.943,62	69.402,84	64.683,08
Chi phí SXDDCK				

Ngày 30 tháng 11 năm 2009.

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Bảng 7: Bảng tính giá thành sản phẩm sơn lót**

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM  
SƠN LÓT**

**SL: 150**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia theo khoản mục		
		N VLTT	N NCTT	SX C
Chi phí SXDDĐK				
Chi phí phát sinh trong kỳ	147.514.965	30.482.870	75.030.095	42.002.000
Hệ số tính giá thành		0,323	0,323	0,323
Tổng giá thành sản phẩm	47.647.334	9.845.967	24.234.721	13.566.646
Giá thành đơn vị	<b>317.649</b>	65.639,78	161.564,8	90.444,31
Chi phí SXDDCK				

Ngày 30 tháng 11 năm 2009.

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Bảng 8: Bảng tính giá thành sản phẩm sơn chống thấm**

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM  
SƠN CHỐNG THẤM**

**SL: 150**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia theo khoản mục		
		NVLTT	NCTT	SXC
Chi phí SXDDĐK				
Chi phí phát sinh trong kỳ	147.514.965	30.482.870	75.030.095	42.002.000
Hệ số tính giá thành		0,185	0,185	0,185
Tổng giá thành sản phẩm	27.290.268	5.639.330	13.880.567	7.770.370
Giá thành đơn vị	<b>181.935,12</b>	37.595,53	92.537,11	51.802,45
Chi phí SXDDCK				

Ngày 30 tháng 11 năm 2009.

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

### PHẦN III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỨC VIỆT

#### 3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Sơn Đức Việt

Là Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng bằng sự nỗ lực phấn đấu không ngừng, Công ty Cổ phần Sơn Đức Việt ngày càng thể hiện được vị thế của mình trên thị trường. Sản phẩm của Công ty đã, đang và sẽ được nhiều người sử dụng biết đến hơn trong tương lai. Hiện nay, công ty đang nỗ lực hết mình để thị phần của công ty sẽ không chỉ là ở trong nước.

Để thực hiện được mục tiêu đó, hiện công ty đang cố gắng để hoàn thiện mình hơn nữa. Và nâng cao hiệu quả của phòng kế toán cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách.

Thời gian thực tập tại công ty tuy ngắn nhưng em đã được tiếp cận với thực tế của quá trình sản xuất, công tác quản lý cũng như công tác kế toán. Được sự giúp đỡ chỉ bảo tận tình của Ban giám đốc cũng như các anh chị trong phòng kế toán, em đã bước đầu làm quen với thực tế công tác kế toán, được áp dụng những kiến thức mà em được tiếp thu ở trường vào tình hình thực tế nhiều hơn. Trong khoảng thời gian đó, em có nhận thấy được những ưu điểm và tồn tại trong công tác tập hợp chi phí và tính giá thành của công ty như sau.

##### 3.1.1 Ưu điểm

**Bộ máy kế toán:** Cán bộ kế toán của công ty là những người trẻ tuổi, được đào tạo bài bản về lĩnh vực kế toán. Đồng thời, là những người có năng động ham học hỏi, tâm huyết với công việc, có tinh thần trách nhiệm cao. Có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, hợp lý cho các kế toán viên. Đồng thời, cùng với sự quản lý kịp thời, sát sao của cán bộ quản lý đã giúp các kế toán viên hoàn thành tốt khối lượng công việc được giao.

**Sổ sách kế toán sử dụng:** Hiện tại công ty đang sử dụng phần mềm kế toán máy MISA, tuy nhiên việc sử dụng phần mềm chỉ mang tính hỗ trợ và Công ty tiến hành ghi sổ theo hình thức sổ Nhật ký chung. Lựa chọn hình thức sổ Nhật ký chung là hoàn toàn

phù hợp với đặc điểm của hoạt động kinh doanh của công ty vì các nghiệp vụ phát sinh tại công ty là không nhiều nên việc phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ hằng ngày vào sổ là không quá khó khăn. Một khác, từ việc kiểm tra sổ Nhật ký chung, kế toán có thể dễ dàng kiểm soát được tổng thể hoạt động hằng ngày của Công ty. Ngoài việc áp dụng theo các hình thức sổ theo quy định của Bộ Tài Chính, Công ty cũng thiết kế một số loại sổ chi tiết để phù hợp hơn với tình hình kinh doanh của Công ty.

### Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm:

*Đối tượng và phương pháp tính giá thành:* Xác định đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Nhận định được điều này, công ty cũng đã xác định được đối tượng tập hợp chi phí là toàn bộ quy trình sản xuất, còn đối tượng tính giá thành sản phẩm là sản phẩm hoàn thành đạt tiêu chuẩn nhập kho. Xác định các đối tượng như thế là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế của công ty chỉ có một quy trình sản xuất tại một phân xưởng lớn. Một khác do nghiệp vụ phát sinh của công ty tương đối ít nên công ty chọn kỳ tính giá thành theo tháng nhằm phù hợp với kỳ báo cáo, cung cấp giá thành thực tế kịp thời để làm căn cứ ghi chép giá vốn và các chỉ tiêu trong kỳ giúp cho lãnh đạo công có quyết định đúng đắn trong chỉ đạo sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Ngoài ra, việc tính giá thành theo từng tháng tạo điều kiện cho công tác kiểm tra chi phí sản xuất, kịp thời điều chỉnh những nguyên nhân gây lãng phí chi phí sản xuất. Đồng thời, nó cung cấp thông tin cho việc xây dựng các định mức kế hoạch sản xuất cho kỳ tiếp theo.

Kế toán Công ty chọn phương pháp hệ số để tính giá thành sản phẩm. Em thấy phương pháp này rất thích hợp. Các chi phí sản xuất phát sinh tại phân xưởng được tập hợp chung. Cuối kỳ, dựa vào tỉ lệ sản phẩm hoàn thành thực tế của mỗi loại sản phẩm so với tất cả các loại sơn, kế toán mới tiến hành xác định hệ số phân bổ giá thành để xác định tổng giá thành và giá thành đơn vị cho từng loại sản phẩm. Tức là tỉ trọng sản phẩm hoàn thành của loại sơn nào càng cao thì sản phẩm đó có tổng giá thành càng cao.

*Đối với kế toán chi phí NVLTT:* Để sản xuất các sản phẩm sơn thì công ty phải xuất nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau, bao gồm cả nguyên vật liệu chính và nguyên

vật liệu phụ. Do đó, để theo dõi tình hình nhập-xuất-tồn của nguyên vật liệu, kế toán đã mở các thẻ chi tiết cho từng loại vật liệu, rồi từ đó lập bảng tổng hợp chi tiết. Cách làm này giúp kế toán theo dõi được chi tiết từng loại nguyên vật liệu, tránh được những lãng phí không đáng có.

**Đối với kế toán chi phí NCTT:** Mỗi chúng ta khi bỏ sức lao động ra thì đều mong muốn nhận được công lao xứng đáng với công sức đã bỏ ra đó. Với công lao được nhận xứng đáng, chúng ta sẽ lao động hăng say hơn và năng suất lao động luôn được cải thiện. Nắm bắt được điều này, Công ty đã vận dụng hình thức trả lương đa dạng, phù hợp với từng đối tượng lao động. Ngoài ra, công ty còn thực hiện chi trả các khoản phụ cấp cho các đối tượng làm việc trong các môi trường độc hại. Thực hiện chương trình khen thưởng cho công nhân viên có thành tích trong sản xuất. Với chính sách trả lương thích hợp đó, Công ty đã tạo nên không khí làm việc vui vẻ, tạo nên động lực mạnh mẽ cho công nhân sản xuất, góp phần nâng cao năng suất lao động trong công ty.

**Kế toán hàng tồn kho:** Vật tư xuất dùng cho sản xuất được hạch toán theo phương pháp nhập trước xuất trước. Áp dụng phương pháp này đảm bảo vật tư nhập trước thì được đưa ra sử dụng trước. Đối với một số loại vật tư như bột đá, bột oxit.. có thể bị hao hụt trong quá trình bảo quản thì việc áp dụng phương pháp này góp phần hạn chế được điều đó. Ngoài ra còn giúp giảm được áp lực công việc cho kế toán vào cuối kỳ kế toán. Mặt khác, Công ty còn tổ chức chặt chẽ khâu mua bán vật tư, thu hồi vật tư không sử dụng hết ở các phân xưởng. Đặc biệt, việc giao chỉ tiêu tính giá thành cho từng phân xưởng sản xuất đã giúp nâng cao tinh thần trách nhiệm quản lý, tiết kiệm vật tư, từ đó giúp làm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

### 3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm mà công ty đã đạt được trong thời gian qua thì vẫn còn những tồn tại nhất định.

**Bộ máy kế toán của công ty** được tổ chức theo hình thức tập trung, do đó có nhiều hạn chế trong việc thu thập số liệu, xử lý thông tin kế toán. Phòng kế toán chưa có sự chuyên môn hóa về nhiệm vụ. Sự phân công nhiệm vụ chưa rõ ràng nên một kế toán còn phải kiêm nhiều việc, dẫn đến tình trạng quá tải, do đó hiệu quả công việc chưa cao.

### Về hạch toán chi phí sản xuất

*Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:* Với đặc điểm sản phẩm của công ty thì chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất, bảo quản nguyên vật liệu tại kho, Công ty không theo dõi sát sao dẫn đến tình trạng vật liệu bị lãng phí. Nhân viên quản lý nhà kho chưa thực sự cẩn thận, chu đáo trong việc quản kho.

*Đối với chi phí nhân công:* Mọi chi phí nhân công trực tiếp phát sinh đều tính hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ, dẫn đến tình trạng giá thành tính không chính xác, không phân tích được kết quả kinh doanh của từng loại sản phẩm được một cách chính xác. Mặt khác, công ty tiến hành theo dõi và tính trả lương cho công nhân viên dựa vào bảng chấm công. Xét theo một khía cạnh nào đó thì điều này gây ra sự thiếu chính xác về cả góc độ quản lý cho Công ty và cả người lao động. Hạn chế tối đa ngày nghỉ phép của công nhân để đảm bảo đủ số ngày công lao động cần thiết để quá trình sản xuất được thực hiện theo đúng kế hoạch.

*Đối với chi phí sản xuất chung:* Công ty thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng làm tròn tháng dựa trên ước tính thời gian sử dụng của tài sản, tuy đơn giản nhưng công ty lại trích đầu tháng sau đó phân bổ vào chi phí sản xuất chung trong kỳ bất kể trong tháng có phát sinh tăng giảm hay không làm cho chi phí khấu hao trong tháng không ổn định dẫn đến tổng hợp chi phí trong kỳ không chính xác.

*Phương pháp tính giá thành sản phẩm:* Giá thành sản phẩm hoàn thành của công ty được tính theo phương pháp hệ số. Kế toán căn cứ vào tỉ trọng khối lượng hoàn thành của từng loại sơn đổi với tổng khối lượng các loại sơn hoàn thành để xác định hệ số phân bổ chi phí. Thực tế hiện nay, sản phẩm của công ty bao gồm nhiều loại, mẫu mã, công dụng... khác nhau. Bốn sản phẩm mà công ty sản xuất là bốn sản phẩm chính, còn trong mỗi sản phẩm đó lại có thêm nhiều mẫu sản phẩm khác. Do đó, tính giá thành theo phương pháp hệ số sẽ gặp phải những khó khăn nhất định. Công việc tính giá thành sẽ trở nên phức tạp hơn.

*Đối với công tác xác định sản phẩm dở dang:* Công ty không xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ do khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ rất ít và công việc này khá phức tạp. Do đó, các chi phí phát sinh trong kỳ đều được tập hợp hết cho sản

phẩm hoàn thành trong kỳ làm cho việc xác định giá thành sản phẩm hoàn thành không chính xác.

Đối với phần mềm kế toán sử dụng: Hiện công ty đang sử dụng phần mềm kế toán máy Misa. Đây là phần mềm được dùng khá phổ biến trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tuy nhiên, phần mềm này chỉ hỗ trợ kế toán trong một số phần hành chủ yếu và kế toán viên vẫn phải thực hiện công việc tính toán, lọc dữ liệu trên Excel, làm giảm hiệu quả công việc.

Báo cáo quản trị: Hiện tại Công ty chưa chú trọng tới kế toán quản trị. Đây là hạn chế lớn của Công ty. Kế toán quản trị là phương tiện để ban giám đốc kiểm soát có hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, giúp cho việc phân tích tình hình của doanh nghiệp, lập kế hoạch, dự toán, tổ chức thực hiện kế hoạch đồng thời kiểm tra, đánh giá và ra các quyết định quản lý. Ngoài ra, kế toán quản trị còn biết theo dõi thị trường để ổn định chương trình sản xuất và tiêu thụ hợp lý đáp ứng nhu cầu sản phẩm của thị trường và lên kế hoạch sản xuất.

**Về kế toán sản phẩm hỏng**, tại công ty hiện nay bộ phận kế toán không tiến hành đánh giá sản phẩm hỏng vì cho rằng sản phẩm hỏng của công ty hiện nay là không đáng kể. Và công ty không xác định định mức sản phẩm hỏng nên mọi chi phí về sản phẩm hỏng được hạch toán vào giá thành của sản phẩm hoàn thành làm cho tổng giá thành sản phẩm tăng lên (trong khi đó, thực tế Công ty chỉ được tính chi phí sản phẩm hỏng vào giá thành khi sản phẩm hỏng đó là trong định mức).

Ngoài ra, công tác đổi mới và tăng cường đầu tư công nghệ chưa được quan tâm sát sao bởi vì đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ và kinh nghiệm nhưng lại gặp khó khăn khi có sự thay đổi công tác hoặc bố trí người thay thế với công việc năng động.

Trên đây là một số ưu và nhược điểm của công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Sơn Đức Việt mà em nhận thấy được trong thời gian thực tập tại công ty. Tuy nhiên các ưu điểm là thuộc về căn bản, và công ty sẽ phát triển vững mạnh hơn nếu khắc phục được những nhược điểm đó.

### **3.2 Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Sơn Đức Việt**

### 3.2.1 Sứ cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Sơn Đức Việt

Sản phẩm hoàn thành là thành quả của một quá trình lao động sản xuất của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, là nơi tập hợp những chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ. Việc tập hợp các khoản chi phí này cho phép tính được tổng chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra, giá thành sản xuất của sản phẩm, từ đó xác định được mức giá tối thiểu để bán sản phẩm làm sao để đảm bảo bù đắp được chi phí. Do đó, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán. Và đây là hai chỉ tiêu luôn thu hút được sự quan tâm hàng đầu của các nhà quản trị, nó phản ánh được chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mang lại cho nhà quản lý nhiều định hướng cũng như các quyết định quan trọng trong việc điều hành sản xuất. Từ đó có thể thấy được rằng, hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là hết sức cần thiết đối với doanh nghiệp sản xuất trong bối cảnh kinh tế hiện nay.

Công ty Cổ phần Sơn Đức Việt cũng là một doanh nghiệp sản xuất. Do đó, những vấn đề trên cũng là những vấn đề mà công ty đang hết sức quan tâm, chú trọng. Tuy nhiên để đạt được kết quả tốt thì Công ty phải thực sự đưa ra các giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình của công ty mình.

### 3.2.2 Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất

Mục tiêu cần đạt được trong việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh trở nên có hiệu quả hơn. Do vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

*Tính đúng:* Các doanh nghiệp sản xuất phải xác định đúng nội dung kinh tế của chi phí, đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

*Tính đủ:* Các chi phí phát sinh liên quan đến công tác sản xuất sản phẩm cần được hạch toán một cách đầy đủ vào ba khoản mục của giá thành; số liệu thông tin phải trung thực, khách quan, rõ ràng, minh bạch để giá thành của sản phẩm sản xuất được đánh giá một cách chính xác hơn.

**Tính kịp thời:** Cần ghi chép, vào sổ chính xác các nghiệp vụ phát sinh chi phí nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý về chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Ngoài ra, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm còn phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Các kiến nghị đề ra nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm phải sát với tình hình thực tế và mang tính khả thi cao.

Bên cạnh thoả mãn những yêu cầu đó, việc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm phải dựa trên các nguyên tắc sau:

Một là, nắm vững chức năng và nhiệm vụ của tổ chức hạch toán kế toán nói chung, cũng như tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói chung. Song song với việc phản ánh là sự giám đốc quá trình kinh doanh một cách có hiệu quả. Do vậy, cần hoàn thiện toàn bộ công tác kế toán từ chứng từ, sổ sách đến tổ chức bộ máy kế toán nhằm tăng cường mức độ chính xác và kịp thời thông tin về biến động tài sản, công nợ, đưa ra các giải pháp tăng nhanh tốc độ luân chuyển vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Hai là, hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý của doanh nghiệp. Và phải xuất phát từ yêu cầu quản trị của doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có một điều kiện, đặc điểm riêng. Do đó, không thể có một mô hình kế toán chung cho toàn bộ các doanh nghiệp. Để tổ chức tốt công tác kế toán, đảm bảo phát huy vai trò, tác dụng của kế toán đối với quản lý thì việc hoàn thiện phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của doanh nghiệp cũng như quy chế, sự phân cấp quản lý của doanh nghiệp và trình độ của nhân viên kế toán.

Ba là, hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp phải vừa sử dụng hệ thống kế toán tài chính do Nhà nước quy định, vừa phải dựa trên cơ sở các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán chung, đảm bảo cung cấp thông tin chân thực, tiết kiệm hao lao động hạch toán.

Bốn là, đảm bảo phù hợp với việc áp dụng thành tựu công nghệ tin học vào trong công tác kế toán, giúp cho việc hạch toán được chi tiết, cụ thể theo yêu cầu. Mặt khác, cần dựa trên sự phối hợp đồng bộ giữa các phòng ban liên quan, đổi mới cơ chế quản lý

tài chính để cùng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

### 3.2.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Sơn Đức Việt

Qua thời gian thực tập tại công ty, em nhận thấy được một số ưu điểm và hạn chế của công ty. Dựa trên cơ sở những ưu điểm cũng như những tồn tại đã nêu ở trên, em xin đưa ra một số kiến nghị góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán nói chung, cũng như công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Sơn Đức Việt.

**Đối với bộ máy kế toán:** Công ty nên chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán nửa tập trung, nửa phân tán. Hình thức này có ưu điểm tạo điều kiện cho kế toán gắn với các hoạt động của công ty, thu thập thông tin một cách nhanh chóng, chính xác, phục vụ có hiệu quả trong việc quản lý kinh doanh của công ty. Ngoài ra, công ty cần có sự phân công nhiệm vụ, trách nhiệm rõ ràng, phù hợp đối với từng cá nhân trong phòng kế toán, để tránh tình trạng một số kế toán viên phải làm việc quá tải so. Như vậy sẽ đảm bảo mỗi kế toán viên luôn có thể hoàn thành được phần công việc của mình và hiệu quả làm việc được cao hơn.

**Đối với chi phí NVLTT:** Đối với sản phẩm của công ty, chi phí nguyên vật liệu chính chiếm tỉ trọng lớn trong tổng chi phí. Do đó, để hạ giá thành sản phẩm, công ty nên có biện pháp sử dụng chi phí này một cách ít lãng phí nhất. Công ty nên hạ thấp mức tiêu hao nguyên vật liệu, quản lý chặt chẽ mức tiêu hao. Cố gắng tạo mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp vật tư để được họ ưu tiên trong việc cung cấp vật tư đúng tiêu chuẩn về cả mặt số lượng lẫn chất lượng. Mặt khác, công ty cần tổ chức nâng cấp, cải tạo hệ thống nhà kho, bến bãi để giảm thiểu hao hụt, thất thoát tự nhiên. Quy ra trách nhiệm cho từng cá nhân cụ thể và có biện pháp xử lý nghiêm đối với các cá nhân thiếu trách nhiệm trong công việc, gây ra thiệt hại cho công ty.

**Đối với chi phí NCTT:** Cần nâng cao năng suất lao động của công nhân viên, để ra chế độ lương thưởng hợp lý để khuyến khích người lao động. Bố trí cơ cấu lao động hợp lý, đánh giá đúng được trình độ tay nghề của người lao động để phân công công việc đúng với năng lực của mỗi người. Từ đó, giúp nâng cao năng suất lao động trong công ty. Mặt khác, công ty cần cập nhật chế độ kế toán mới. Đối với các khoản trích

theo lương, ngoài việc trích BHXH, BHYT, KPCĐ như trước thì công ty cần bổ sung thêm khoản trợ cấp thất nghiệp. Tổng tỉ lệ phải trích là 30,5% trong đó: BHXH 22% (doanh nghiệp đóng 16%, người lao động chịu 6%), BHYT 4,5% (doanh nghiệp đóng 3% và người lao động chịu 1,5%), KPCĐ 2% do doanh nghiệp đóng và khoản trợ cấp thất nghiệp 2% (doanh nghiệp chịu 1% và người lao động chịu 1%).

*Đối với chi phí sản xuất chung:* Thực hiện khấu hao tài sản cố định theo phương pháp số dư giảm dần. Như vậy thì giá trị hao mòn của tài sản sẽ tăng lên trong những năm đầu, còn các năm sau thì sẽ giảm dần đi, công ty sẽ nhanh thu hồi được vốn, đảm bảo việc sử dụng vốn hiệu quả tối đa. Mặt khác, công ty có thể giảm bớt khoản mục chi phí này bằng cách tiết kiệm điện, nước, điện thoại...

*Đối với phương pháp tính giá thành sản phẩm:* Hiện nay sản phẩm của công ty khá đa dạng, phong phú, nên việc áp dụng phương pháp hệ số sẽ gặp phải nhiều khó khăn và không đảm bảo tính chính xác cho việc tính giá thành. Công ty nên sử dụng kết hợp thêm phương pháp tính giá thành trực tiếp. Xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ bắt kể là khối lượng sản phẩm dở dang là ít.

*Đối với sản phẩm hỏng:* Trong quá trình sản xuất kinh doanh không thể tránh khỏi việc sản xuất sản phẩm hỏng. Và những sản phẩm này ít hay nhiều đều gánh chịu chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do đó, đánh giá định mức sản phẩm hỏng là cần thiết. Đối với các thiệt hại sản phẩm hỏng trong định mức thì sẽ được tính vào giá thành của các sản phẩm hoàn thành. Còn đối với thiệt hại sản phẩm hỏng ngoài định mức thì phải tập hợp vào tài khoản riêng để cuối kỳ xem xét và quy ra trách nhiệm cho từng cá nhân cụ thể. Để từ đó, việc đánh giá chất lượng và tính giá thành sản phẩm được chính xác hơn.

Đảm bảo nguyên tắc xuất, nhập nguyên vật liệu kịp thời để phục vụ sản xuất. Phải tăng cường kiểm kê, kiểm soát thường xuyên để tránh thất thoát nguyên vật liệu.

### **3.2.4 Điều kiện thực hiện:**

#### **3.2.4.1 Về phía Nhà nước**

Trong giai đoạn kinh tế phát triển đa chiều như hiện nay, Nhà nước cần tạo điều kiện thông thoáng cho tất cả các thành phần kinh tế nói chung và các doanh nghiệp

nói riêng nắm bắt cơ hội để phát triển. Để thực hiện được điều đó, về phía Nhà nước cần có những biện pháp cụ thể sau:

Hoàn thiện các chuẩn mực kế toán cho phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Đồng thời nhanh chóng ban hành các thông tư hướng dẫn để các doanh nghiệp sớm cập nhật và sửa đổi kịp thời cho đúng với chế độ hiện hành.

Duy trì một môi trường pháp lý ổn định đây là yếu tố cơ bản để các doanh nghiệp yên tâm thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.. Môi trường pháp lý ổn định đảm bảo được sự bình đẳng trong kinh doanh giữa các thành phần kinh tế, tạo nên sự cạnh tranh lành mạnh, xoá bỏ được tiêu cực trong kinh doanh... Mặt khác, các chính sách kinh tế đúng đắn, phù hợp sẽ là yếu tố quan trọng tạo nên môi trường kinh tế ổn định cho các thành phần kinh tế của đất nước. Từ đó, thu hút được đầu tư từ nước ngoài, góp phần tăng thêm nguồn vốn đầu tư cho hoạt động kinh tế của đất nước.

Tiến hành cải cách hành chính sao cho thủ tục trở nên gọn nhẹ, thuận tiện, rõ ràng và đúng đắn, giảm bớt tham ô cửa quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

### 3.2.4.2 Về phía công ty

Công ty cần kết hợp kế toán quản trị với kế toán tài chính trong quản lý, phải đánh giá được chính xác thực trạng của mình, thế mạnh và hạn chế để từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp cho công ty mình. Về quyền lợi và trách nhiệm ban lãnh đạo, ban kiểm soát nội bộ cần được quy định cụ thể về mức độ trách nhiệm, biện pháp xử lý và cấp quyết định xử lý. Quy định trách nhiệm cá nhân, tập thể về vật chất công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Từ đó, nâng cao được tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó cần nhanh chóng hình thành ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ để kịp thời phát hiện ra sai sót và sửa chữa.

Xây dựng hệ thống định mức chi phí, tiến hành so sánh giữa thực tế với định mức để có biện pháp xử lý đúng đắn khi xảy ra sự chênh lệch. Đây là căn cứ để kiểm soát chi phí một cách có hiệu quả nhất, là cơ sở để tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

Tuyển dụng lao động nói chung và cán bộ kế toán nói riêng có trình độ. Đặc

biệt là cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn cao, có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi về chiến lược kinh doanh của công ty, nhanh nhẹn với việc áp dụng các chế độ kế toán mới.

Như vậy, để nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng thì bên cạnh những can thiệp của Nhà nước thì bản thân doanh nghiệp phải thực sự đánh giá được thực trạng của doanh nghiệp mình để từ đó đưa ra các quyết định quản trị hợp lý. Có làm được như vậy thì doanh nghiệp mới có thể đứng vững và phát triển trong nền kinh tế như hiện nay.

## KẾT LUẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh đã đem lại cho các doanh nghiệp rất nhiều phần giá trị thặng dư, đồng thời đem lại cho nền kinh tế những nguồn thu lớn, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Để đạt được hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải tăng cường hơn nữa công tác quản lý nội chung, công tác hạch toán kế toán nói riêng.

Việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách khoa học là điều hết sức quan trọng, đóng vai trò trung tâm của toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Nó có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiêu thụ sản phẩm và khả năng sinh lời, có ý nghĩa quyết định đối với công tác quản trị của doanh nghiệp.

Là một doanh nghiệp còn khá non trẻ nên Công ty Cổ phần Sơn Đức Việt đã gặp phải không ít khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Tuy nhiên bằng những nỗ lực cố gắng của mình, Công ty đã vượt qua được những khó khăn đó và đang trong quá trình phát triển bền vững.

Do sự hạn chế về thời gian nghiên cứu cũng như hạn chế về mặt trình độ nên bài khoá luận của em không tránh khỏi những sai sót nhất định. Vì vậy, em mong nhận được các ý kiến đóng góp của cô giáo hướng dẫn **GS.TS ĐẶNG THỊ LOAN** và các cô chú, anh chị trong Ban lãnh đạo công ty cũng như của Phòng kế toán để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, chỉ bảo nhiệt tình của cô giáo **GS.TS ĐẶNG THỊ LOAN** cùng các cô chú, anh chị trong Công ty Cổ phần Sơn Đức Việt để em hoàn thiện được bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội ngày 30 tháng 04 năm 2010.

Sinh viên

**Nguyễn Thị Bé**

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình kế toán tài chính-Đại học Kinh tế Quốc dân.

Chủ biên: GS.TS ĐẶNG THỊ LOAN-Năm xuất bản 2009, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp.

Chủ biên: PGS.TS NGUYỄN VĂN CÔNG-Năm xuất bản 2003, Nhà xuất bản Tài Chính.

3. Chế độ kế toán doanh nghiệp-Quyển I: Hệ thống tài khoản kế toán-Năm xuất bản 2008, Nhà xuất bản Thông kê.

4. Chế độ kế toán doanh nghiệp-Quyển II: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán-Năm xuất bản 2008, Nhà xuất bản Thông kê.

5. Khoa luân tốt nghiệp của các anh chị các khoa trước.

## NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

*Sinh viên: Nguyễn Thị Bé - Lớp KT1A*

**Đề tài:** Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Sơn Đức việt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2010.

## **Giáo viên hướng dẫn.**

## NHÂN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN

Sinh viên: Nguyễn Thị Bé - Lớp KT1A

**Đề tài:** Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Sơn Đức việt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2010.

## **Giáo viên phản biện**

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
PHẦN I : CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....	3
<b>1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất .....</b>	<b>3</b>
1.1.1 Bản chất và nội dung của chi phí sản xuất.....	3
1.1.1.1 Khái niệm chi phí sản xuất.....	3
1.1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất .....	3
1.1.2. Bản chất và nội dung của giá thành sản phẩm.....	5
1.1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm.....	5
1.1.2.2 Phân loại giá thành sản phẩm.....	6
1.1.3 Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm sản xuất trong doanh nghiệp.....	7
1.1.3.1 Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm .....	7
trong doanh nghiệp sản xuất.....	7
1.1.3.2 Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	8
<b>1.2 Nội dung kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.....</b>	<b>11</b>
1.2.1 Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	11
1.2.1.1 Kế toán chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp.....	11
1.2.1.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	13
1.2.1.3 Kế toán chi phí sản xuất chung.....	14
1.2.1.4 Tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang.....	15
1.2.2 Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ:.....	19
1.2.2.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	19
1.2.2.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:.....	20
1.2.2.3 Kế toán chi phí sản xuất chung:.....	20
1.2.2.4 Tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang.....	20
1.2.3 Tổ chức tính giá thành sản phẩm.....	21
1.2.3.1 Kỳ tính giá thành sản phẩm.....	21
1.2.3.2 Tổ chức tính giá thành sản phẩm trong một số loại hình doanh nghiệp chủ yếu.....	21
<b>1.3 Hệ thống sổ sách sử dụng trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....</b>	<b>25</b>
1.3.1 Đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.....	25
1.3.2 Đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung.....	26
1.3.3 Đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức sổ Nhật ký-Sổ cái.....	28

1.3.4 Đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức sổ Chứng từ ghi sổ.....	28
1.3.5 Đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính .....	
.....	30
<b>PHẦN II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỨC VIỆT.....</b>	<b>31</b>
<b>2.1 Khái quát chung về công ty Cổ phần Sơn Đức Việt.....</b>	<b>31</b>
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.....	31
2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	33
2.1.3 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh.....	37
2.1.4 Đặc điểm tổ chức kế toán.....	38
2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	38
2.1.4.2 Đặc điểm vận dụng chế độ kế toán.....	39
<b>2.2 Thực tế công tác kế toán chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Sơn Đức Việt.....</b>	<b>41</b>
2.2.1 Đặc điểm chung về chi phí sản xuất tại Công ty Sơn Đức Việt.....	41
2.2.2 Nội dung kế toán chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần Sơn Đức Việt.....	42
2.2.2.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	42
2.2.2.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	50
2.2.2.3 Kế toán chi phí sản xuất chung.....	55
2.2.3 Tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.....	59
2.2.3.1 Tổng hợp chi phí sản xuất.....	59
2.2.3.2 Đánh giá sản phẩm dở dang.....	61
<b>2.3 Thực tế công tác tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần sơn Đức Việt.....</b>	<b>61</b>
2.3.1 Đối tượng và kỳ tính giá thành.....	61
2.3.2 Phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	61
<b>PHẦN III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỨC VIỆT.....</b>	<b>68</b>
<b>3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Sơn Đức Việt.....</b>	<b>68</b>
3.1.1 Ưu điểm.....	68

---

3.1.2 Nhược điểm.....	70
<b>3.2 Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Sơn Đức Việt.....</b>	<b>72</b>
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Sơn Đức Việt.....	73
3.2.2 Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.....	73
3.2.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Sơn Đức Việt.....	75
3.2.4 Điều kiện thực hiện:.....	76
3.2.4.1 Về phía Nhà nước.....	76
3.2.4.2 Về phía công ty.....	77
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>79</b>

**DANH MỤC VIẾT TẮT**

<b>Ký hiệu</b>	<b>Diễn giải nội dung</b>
DN	Doanh nghiệp
CPSX	Chi phí sản xuất
CPNVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
CPSXC	Chi phí sản xuất chung
SPDDDK	Sản phẩm dở dang đầu kỳ
SPDDCK	Sản phẩm dở dang cuối kỳ
GTGT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
TSCĐ	Tài sản cố định
NVL	Nguyên vật liệu
CCDC	Công cụ dụng cụ